

Bộ, tỉnh: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Cơ quan quản lý cấp trên: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai

Mã đơn vị: 1052433

Loại hình đơn vị: Hành chính

Mẫu số 04b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	224		629.126.577	517.221.708					
1.1	Đất	29	102.774,8	306.844.276	306.844.276	102.774,8				
1.1.1	Văn phòng	2	6.061,6	64.670.510	64.670.510	6.061,6				
	Đất trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai - Cơ sở 2 (Số 412 đường Huỳnh Văn Nghệ)	1	1.864,4	40.326.750	40.326.750	1.864,4				
	Đất trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (Số 1/6K đường Nguyễn Ái Quốc)	1	4.197,2	24.343.760	24.343.760	4.197,2				
1.1.2	VKSND khu vực 1	1	1.622,3	7.259.350	7.259.350	1.622,3				
	Quyền sử dụng đất trụ sở Viện KSND Khu vực 1 - Đồng Nai	1	1.622,3	7.259.350	7.259.350	1.622,3				
1.1.3	VKSND khu vực 2	2	5.330,5	6.665.530	6.665.530	5.330,5				
	Đất trụ sở làm việc (VKS huyện Nhơn Trạch cũ)	1	1.593,5	1.434.150	1.434.150	1.593,5				
	Đất VKSND Khu vực 2 (VKS huyện Long Thành cũ)	1	3.737,0	5.231.380	5.231.380	3.737,0				
1.1.4	VKSND khu vực 3	3	19.747,2	52.309.736	52.309.736	19.747,2				
	Đất trụ sở làm việc	1	3.636,2	4.214.500	4.214.500	3.636,2				
	Đất trụ sở	1	12.963,0	46.206.636	46.206.636	12.963,0				
	Đất trụ sở	1	3.148,0	1.888.600	1.888.600	3.148,0				
1.1.5	VKSND khu vực 4	2	9.170,0	18.496.080	18.496.080	9.170,0				



STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Đất VKSNDKV4 (Long Khánh cũ)	1	6.164,0	17.594.280	17.594.280	6.164,0				
	Đất VKSNDKV4(Thống Nhất cũ)	1	3.006,0	901.800	901.800	3.006,0				
1.1.6	VKSND khu vực 5	1	3.022,5	2.278.965	2.278.965	3.022,5				
	Đất trụ sở làm việc	1	3.022,5	2.278.965	2.278.965	3.022,5				
1.1.7	VKSND khu vực 6	1	1.900,1	763.400	763.400	1.900,1				
	Đất khuôn viên	1	1.900,1	763.400	763.400	1.900,1				
1.1.8	VKSND khu vực 7	1	1.174,1	1.761.150	1.761.150	1.174,1				
	Đất trụ sở làm việc	1	1.174,1	1.761.150	1.761.150	1.174,1				
1.1.9	VKSND khu vực 8	1	1.475,0	590.120	590.120	1.475,0				
	Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8- Đồng Nai	1	1.475,0	590.120	590.120	1.475,0				
1.1.10	VKSND khu vực 9	3	20.429,8	88.852.160	88.852.160	20.429,8				
	Đất trụ sở làm việc	1	2.459,4	49.188.000	49.188.000	2.459,4				
	Đất trụ sở làm việc	1	14.867,6	29.735.200	29.735.200	14.867,6				
	Đất trụ sở làm việc	1	3.102,8	9.928.960	9.928.960	3.102,8				
1.1.11	VKSND khu vực 10	3	9.035,7	20.268.650	20.268.650	9.035,7				
	Đất trụ sở	1	5.098,0	2.549.000	2.549.000	5.098,0				
	Đất trụ sở làm việc	1	3.180,4	14.311.800	14.311.800	3.180,4				
	Đất trụ sở làm việc	1	757,3	3.407.850	3.407.850	757,3				
1.1.12	VKSND khu vực 11	3	7.827,0	16.241.574	16.241.574	7.827,0				
	Đất trụ sở làm việc cũ	1	1.595,5	2.572.950	2.572.950	1.595,5				
	Đất trụ sở làm việc (GCN số: CO195645; cấp ngày 10/10/2018)	1	4.009,2	9.622.080	9.622.080	4.009,2				
	Trụ sở làm việc mới	1	2.222,3	4.046.544	4.046.544	2.222,3				
1.1.13	VKSND khu vực 12	1	1.583,0	4.153.680	4.153.680	1.583,0				
	Đất trụ sở	1	1.583,0	4.153.680	4.153.680	1.583,0				
1.1.14	VKSND khu vực 13	2	9.273,0	14.286.695	14.286.695	9.273,0				
	Đất trụ sở làm việc (huyện Bù Đốp cũ)	1	3.900,0	12.674.675	12.674.675	3.900,0				
	Đất trụ sở làm việc	1	5.373,0	1.612.020	1.612.020	5.373,0				
1.1.15	VKSND khu vực 14	3	5.123,0	8.246.676	8.246.676	5.123,0				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Đất trụ sở làm việc	1	1.651,0	2.352.076	2.352.076	1.651,0				
	Đất trụ sở làm việc	1	1.313,0	1.575.000	1.575.000	1.313,0				
	Đất trụ sở làm việc	1	2.159,0	4.319.600	4.319.600	2.159,0				
1.2	Nhà	123	36.640,9	293.088.325	196.601.746	36.640,9				
1.2.1	Văn phòng	9	4.165,0	30.176.742	17.265.093	4.165,0				
	Nhà làm việc trụ sở chính	1	1.930,0	15.733.423	10.384.059	1.930,0				
	Nhà lưu trú công vụ trụ sở chính	1	518,0	3.290.075	1.052.824	518,0				
	Nhà lưu trữ trụ sở chính	1	249,0	3.008.353	1.203.341	249,0				
	Nhà làm việc phường đội (Cơ sở 2)	1	544,0	1.508.858	905.315	544,0				
	Nhà làm việc (Cơ sở 2)	1	508,0	5.247.876	3.704.573	508,0				
	Nhà làm việc 2 (Cơ sở 2)	1	60,0	38.803		60,0				
	Nhà Hội trường (Cơ sở 2)	1	317,0	1.041.481		317,0				
	Nhà bảo vệ trụ sở chính	1	12,0	97.873		12,0				
	Nhà tiếp dân trụ sở chính	1	27,0	210.000	14.980	27,0				
1.2.2	VKSND khu vực 1	3	2.023,0	15.496.973	6.392.089	2.023,0				
	Nhà làm việc 4 tầng	1	1.774,0	12.481.560	5.991.149	1.774,0				
	Nhà lưu trú công vụ	1	156,0	2.233.232	296.865	156,0				
	Nhà bảo vệ và cổng hàng rào	1	93,0	782.181	104.075	93,0				
1.2.3	VKSND khu vực 2	10	2.138,3	13.689.863	7.731.048	2.138,3				
	Nhà làm việc cấp III - 2001	1	274,0	1.129.462		274,0				
	Nhà làm việc 3 tầng	1	1.092,0	8.092.762	5.826.789	1.092,0				
	Nhà để xe -2001	1	32,0	14.200		32,0				
	Nhà ăn, nhà lưu trú công vụ, nhà vệ sinh	1	95,0	276.094		95,0				
	Nhà bảo vệ	1	14,0	41.595		14,0				
	Nhà tiếp dân + hội cung bị can	1	28,0	93.650		28,0				
	Nhà làm việc cấp 4 - 2017	1	280,3	1.878.444	750.814	280,3				
	Nhà lưu trú công vụ 1 tầng	1	187,0	1.248.339	665.490	187,0				
	Nhà bảo vệ, tiếp dân	1	60,0	540.184	287.972	60,0				
	Gara ô tô, nhà để xe 2 bánh	1	76,0	375.133	199.983	76,0				
1.2.4	VKSND khu vực 3	16	6.543,0	40.641.733	25.537.270	6.543,0				
	Trụ sở làm việc	1	1.524,0	11.691.186	7.887.766	1.524,0				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Nhà làm việc 1	1	1.040,0	3.533.046	565.287	1.040,0				
	Nhà làm việc 2	1	924,0	1.237.345	346.457	924,0				
	Kho lưu trữ (bao gồm hệ thống PCCC kho lưu trữ bằng khí	1	583,0	4.446.373	3.023.534	583,0				
	Nhà làm việc 3 tầng	1	743,0	11.746.188	10.806.493	743,0				
	Nhà làm việc TTBDCT	1	68,0	63.886		68,0				
	Nhà ăn	1	481,0	1.180.917		481,0				
	Hội trường	1	351,0	628.713		351,0				
	Nhà công vụ	1	119,0	500.000		119,0				
	Nhà bếp	1	53,0	230.000		53,0				
	Nhà bảo vệ	1	14,0	78.755		14,0				
	Phòng khách (05 phòng)	1	186,0	1.304.188	1.782	186,0				
	Phòng họp BCH	1	198,0	648.882	887	198,0				
	Ga ra ô tô, nhà để xe 2 bánh	1	70,0	395.085	342.381	70,0				
	Nhà bảo vệ, tiếp dân 1 tầng	1	64,0	954.349	827.039	64,0				
	Nhà lưu trú công vụ	1	125,0	2.002.821	1.735.644	125,0				
1.2.5	VKSND khu vực 4	8	1.725,0	14.860.349	9.721.371	1.725,0				
	Nhà công vụ TN	1	150,0	334.300	106.976	150,0				
	Nhà làm việc 2 tầng TN	1	300,0	1.326.100	424.352	300,0				
	Nhà tiếp dân TN	1	200,0	2.032.920	1.057.118	200,0				
	Nhà bảo vệ TN	1	16,0	30.800		16,0				
	Nhà xe TN	1	23,0	27.700		23,0				
	Nhà công vụ	1	149,0	1.809.793	1.133.835	149,0				
	Nhà làm việc 2 tầng	1	842,0	8.789.743	6.680.205	842,0				
	Nhà bảo vệ, tiếp dân	1	45,0	508.993	318.884	45,0				
1.2.6	VKSND khu vực 5	4	1.515,0	11.227.316	9.207.310	1.515,0				
	Nhà làm việc 3 tầng	1	1.210,0	9.133.350	7.672.014	1.210,0				
	Nhà lưu trú công vụ	1	169,0	1.252.014	917.976	169,0				
	Nhà bảo vệ-nhà tiếp dân	1	58,0	555.022	406.942	58,0				
	Gara ô tô, nhà xe hai bánh	1	78,0	286.930	210.377	78,0				
1.2.7	VKSND khu vực 6	5	1.197,1	15.592.850	14.166.239	1.197,1				
	Nhà làm việc (3 tầng)	1	915,1	12.237.357	11.258.369	915,1				
	Nhà bảo vệ, tiếp dân (1 tầng)	1	64,0	887.675	769.259	64,0				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Gara ô tô, nhà để xe 2 bánh (1 tầng)	1	83,0	363.707	315.189	83,0				
	Nhà lưu trú công vụ (1 tầng)	1	125,0	1.960.125	1.698.644	125,0				
	Nhà để máy phát điện, máy bơm (1 tầng)	1	10,0	143.986	124.778	10,0				
1.2.8	VKSND khu vực 7	2	1.173,8	13.941.197	12.811.108	1.173,8				
	Nhà làm việc + hợp khối nhà lưu trú công vụ, Gara ô tô, nhà xe 2 bánh, phòng tiếp dân, phòng máy phát điện, máy bơm (4 tầng)	1	1.158,5	13.664.168	12.571.034	1.158,5				
	Nhà bảo vệ, tiếp dân (1 tầng)	1	15,3	277.030	240.074	15,3				
1.2.9	VKSND khu vực 8	3	1.092,0	14.687.064	13.374.442	1.092,0				
	Nhà làm việc (4 tầng)	1	903,0	12.109.206	11.140.470	903,0				
	Nhà lưu trú công vụ (1 tầng)	1	124,8	1.680.180	1.456.044	124,8				
	Nhà bảo vệ, tiếp dân (1 tầng)	1	64,2	897.678	777.928	64,2				
1.2.10	VKSND khu vực 9	15	4.500,8	32.760.751	19.661.589	4.500,8				
	Nhà làm việc cấp II	1	2.270,0	21.126.382	16.056.050	2.270,0				
	Nhà làm việc	1	280,0	1.256.179	251.236	280,0				
	Nhà làm việc	1	515,0	2.390.133	573.632	515,0				
	Nhà lưu trú công vụ cấp III	1	393,0	2.873.040	1.493.981	393,0				
	Nhà lưu trú công vụ	1	145,0	120.298		145,0				
	Nhà lưu trú công vụ	1	125,0	544.066		125,0				
	Nhà bảo vệ	1	11,0	63.944		11,0				
	Nhà bảo vệ	1	11,0	105.158		11,0				
	Nhà hợp	1	63,8	491.418	98.087	63,8				
	Nhà xe 4 bánh cấp IV	1	130,0	697.479	139.217	130,0				
	Nhà tiếp dân cấp IV	1	111,0	1.098.461	219.253	111,0				
	Nhà xe 2 bánh (mái tôn) cấp IV	1	111,0	198.976	39.716	111,0				
	Nhà bảo vệ cấp IV	1	18,0	213.806	42.676	18,0				
	Nhà tiếp dân, phòng họp	1	157,0	1.532.395	715.067	157,0				
	Nhà xe hai bánh, bốn bánh	1	160,0	49.016	32.676	160,0				
1.2.11	VKSND khu vực 10	14	3.025,0	27.289.124	17.616.322	3.025,0				
	Nhà làm việc	1	380,0	1.902.440	456.586	380,0				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Nhà làm việc	1	1.052,0	9.845.692	6.301.243	1.052,0				
	Nhà làm việc, lưu trú công vụ, nhà xe 2 bánh, gara ô tô	1	900,0	11.814.523	9.924.199	900,0				
	Nhà vệ sinh	1	4,0	16.655		4,0				
	Nhà xe 2 bánh	1	20,0	17.733		20,0				
	Nhà lưu trú công vụ	1	120,0	247.390		120,0				
	Nhà tiếp công dân và nhà hội cung	1	122,0	696.362		122,0				
	Nhà lưu trú công vụ	1	158,0	415.767		158,0				
	Nhà bảo vệ	1	11,0	72.675		11,0				
	Nhà xe 2 bánh	1	48,0	117.965	47.182	48,0				
	Nhà lưu trú công vụ	1	163,0	1.648.170	659.213	163,0				
	Nhà xe 4 bánh	1	23,0	65.270	26.106	23,0				
	Nhà bảo vệ	1	12,0	200.028	80.005	12,0				
	Nhà bảo vệ	1	12,0	228.454	121.789	12,0				
1.2.12	VKSND khu vực 11	12	2.453,9	25.588.082	21.190.075	2.453,9				
	Nhà số 1 cũ	1	254,0	741.432	88.972	254,0				
	Nhà làm việc 3 tầng	1	689,0	9.170.418	7.886.559	689,0				
	Nhà làm việc mới	1	883,7	9.864.061	9.074.936	883,7				
	Nhà số 2 cũ	1	90,0	112.000		90,0				
	Nhà bảo vệ cũ	1	11,0	72.841		11,0				
	Nhà lưu trú công vụ, gara oto	1	137,5	1.760.376	1.055.932	137,5				
	Nhà bảo vệ, tiếp dân	1	34,0	595.558	357.236	34,0				
	Nhà xe hai bánh	1	30,0	84.184	50.496	30,0				
	Nhà họp cũ	1	90,0	431.536	287.691	90,0				
	Nhà lưu trú công vụ	1	127,4	1.559.274	1.351.371	127,4				
	Nhà bảo vệ và tiếp công dân	1	40,0	619.440	536.848	40,0				
	Nhà xe 2 bánh và nhà xe 4 bánh	1	67,3	576.962	500.034	67,3				
1.2.13	VKSND khu vực 12	4	1.083,0	12.635.970	10.137.735	1.083,0				
	Nhà làm việc chính	1	901,0	11.082.401	9.309.217	901,0				
	Nhà lưu trú công vụ	1	110,0	971.941	518.336	110,0				
	Nhà xe hai bánh, bốn bánh	1	60,0	329.301	175.616	60,0				
	Nhà Bảo vệ	1	12,0	252.327	134.566	12,0				
1.2.14	VKSND khu vực 13	12	2.191,0	14.544.800	7.380.465	2.191,0				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Nhà làm việc (huyện Bù Đốp cũ)	1	380,0	1.999.237	571.275	380,0				
	Nhà làm việc	1	1.116,0	9.337.842	5.976.219	1.116,0				
	Nhà lưu trú công vụ (huyện Bù Đốp cũ)	1	120,0	127.611		120,0				
	Nhà vệ sinh (huyện Bù Đốp cũ)	1	12,0	21.205		12,0				
	Nhà tiếp công dân và nhà hội cung	1	97,0	493.934		97,0				
	Nhà lưu trú công vụ	1	179,0	459.730		179,0				
	Nhà bảo vệ (huyện Bù Đốp cũ)	1	11,0	64.904		11,0				
	Ga ra ô tô	1	23,0	64.449	25.780	23,0				
	Nhà xe 2 bánh	1	48,0	135.504	54.202	48,0				
	Nhà bảo vệ	1	12,0	188.724	75.490	12,0				
	Nhà lưu trú công vụ	1	163,0	1.567.476	626.990	163,0				
	Nhà xe 2 bánh (huyện Bù Đốp cũ)	1	30,0	84.184	50.510	30,0				
1.2.15	VKSND khu vực 14	6	1.815,0	9.955.511	4.409.592	1.815,0				
	Nhà làm việc	1	275,0	1.133.647	136.038	275,0				
	Nhà làm việc	1	855,0	3.803.352	2.282.011	855,0				
	Nhà làm việc	1	433,0	4.308.685	1.766.561	433,0				
	Nhà công vụ	1	145,0	78.542		145,0				
	Nhà bảo vệ	1	11,0	68.781		11,0				
	Nhà hội trường	1	96,0	562.503	224.983	96,0				
1.3	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác	72		29.193.976	13.775.686	72				
1.3.1	Văn phòng	5		1.936.836	65.049	5				
	Sân đường, bồn hoa, cây xanh Trụ sở chính	1		433.661	65.049	1				
	Bãi đỗ xe trụ sở chính	1		144.817		1				
	Bãi đỗ xe mái vòm trụ sở chính	1		87.342		1				
	Bể chứa nước và hệ thống PCCC trụ sở chính	1		437.231		1				
	Tường rào, cổng trụ sở chính	1		833.785		1				
1.3.2	VKSND khu vực 1	4		1.101.293	0	4				
	Bể chứa hệ thống cấp thoát nước ngoài nhà	1		352.796		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Bãi đỗ nền	1		420.733		1				
	Sân đường	1		219.128		1				
	Công trình điện ngoài nhà	1		108.636		1				
1.3.3	VKSND khu vực 2	5		1.841.198	900.230	5				
	Bãi đỗ, sân đường nội bộ - 2001	1		29.300		1				
	Hệ thống thoát nước ngoài nhà, bể ngầm	1		711.306	462.349	1				
	Sân đường nội bộ	1		359.924	233.951	1				
	Cổng tường rào -2001	1		60.900		1				
	Cổng, hàng rào	1		679.768	203.930	1				
1.3.4	VKSND khu vực 3	8		2.664.083	1.867.982	8				
	Trạm máy phát điện 3 pha	1		260.532		1				
	Sân đường, tổng thể	1		1.123.801	955.231	1				
	Nhà để máy phát điện, máy bơm	1		133.144	106.515	1				
	Cổng	1		67.200	47.040	1				
	Cổng hàng rào	1		658.046	559.339	1				
	Mái vòm	1		138.854		1				
	Mái vòm để xe	1		130.740	78.444	1				
	Mái che liên kết giữa 02 khối nhà	1		151.766	121.413	1				
1.3.5	VKSND khu vực 4	7		4.650.609	1.954.313	7				
	Sân đường, bồn hoa TN	1		51.468	8.235	1				
	Bãi đỗ xe, có mái che TN	1		99.184	15.869	1				
	Bãi đỗ xe, có mái che TN	1		466.500	74.640	1				
	Sân đường, bồn hoa	1		974.453	643.139	1				
	Ga ra oto	1		194.222	128.187	1				
	Bể chứa, hệ thống cấp thoát nước	1		928.634		1				
	Cổng tường rào	1		1.936.148	1.084.243	1				
1.3.6	VKSND khu vực 5	3		1.706.086	1.074.127	3				
	Bể nước ngầm, nhà để máy bơm	1		606.247	484.998	1				
	Sân nền cột cờ	1		497.314	348.120	1				
	Cổng, tường rào	1		602.525	241.010	1				
1.3.7	VKSND khu vực 6	3		1.612.645	1.290.116	3				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Bãi đỗ xe, Mái che liên kết giữa 02 khối nhà	1		148.443	118.754	1				
	Bãi đỗ xe, Sân đường tổng thể	1		943.783	755.027	1				
	Tường rào, Cổng hàng rào	1		520.419	416.335	1				
1.3.8	VKSND khu vực 7	4		1.295.090	1.111.322	4				
	Sân đường tổng thể	1		575.888	518.299	1				
	Sân thể thao có mái che	1		112.860	101.574	1				
	Bãi đỗ xe có mái che	1		42.500	40.375	1				
	Cổng, hàng rào	1		563.842	451.074	1				
1.3.9	VKSND khu vực 8	4		1.519.488	1.277.412	4				
	Sân đường tổng thể	1		618.221	556.399	1				
	Cổng hàng rào	1		758.576	606.861	1				
	Mái che liên kết giữa 2 khối nhà	1		33.113	26.490	1				
	Mái che sân thể thao	1		109.577	87.662	1				
1.3.10	VKSND khu vực 9	5		1.163.570	359.744	5				
	Sân	1		84.158	4.208	1				
	Sân bê tông	1		888.841	355.536	1				
	Giếng khoan	1		58.028		1				
	Tường rào	1		82.441		1				
	Giếng khoan	1		50.102		1				
1.3.11	VKSND khu vực 10	7		1.951.944	343.806	7				
	Sân, đường thoát nước	1		184.441	9.222	1				
	Sân, đường nội bộ	1		363.916	200.154	1				
	Bể nước	1		234.356	35.153	1				
	Cổng, tường rào	1		162.793		1				
	Giếng khoan kèm thiết bị	1		13.668		1				
	Tường rào	1		868.749	86.875	1				
	Giếng khoan	1		124.021	12.402	1				
1.3.12	VKSND khu vực 11	6		4.103.360	2.428.685	6				
	Sân, đường, bồn hoa	1		675.402	472.781	1				
	Bể nước ngầm	1		273.506	123.078	1				
	Sân, đường bồn hoa	1		454.339	340.755	1				
	Cổng rào	1		1.233.090	493.236	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Giếng khoan	1		411.255	154.221	1				
	Cổng rào	1		1.055.768	844.614	1				
1.3.13	VKSND khu vực 12	4		1.526.566	654.099	4				
	Bể nước Ngâm	1		273.018	95.556	1				
	Sân, bồn hoa	1		420.039	273.025	1				
	Giếng khoan	1		124.216	37.265	1				
	Cổng tường rào	1		709.293	248.253	1				
1.3.14	VKSND khu vực 13	7		2.121.208	448.800	7				
	Sân, đường thoát nước (huyện Bù Đốp cũ)	1		28.189		1				
	Sân đường nội bộ	1		386.638	212.651	1				
	Bể nước	1		216.192	129.715	1				
	Cổng, hàng rào (huyện Bù Đốp cũ)	1		176.607		1				
	Giếng khoan (huyện Bù Đốp cũ)	1		249.241		1				
	Giếng khoan	1		115.369	11.537	1				
	Cổng, tường rào	1		948.972	94.897	1				
2	Xe ô tô	23		19.503.120	8.285.257	23				
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung	23		19.503.120	8.285.257	23				
2.2.1	Văn phòng	6		5.635.256	986.382	6				
	Xe ô tô Toyota Innova-G BS 93A-4455	1		733.700		1				
	Xe ô tô Toyota Innova-G-BS 60C-9595	1		738.450		1				
	Xe ô tô Ford Everest - BS 60A-002.18	1		901.350	59.790	1				
	Xe ô tô Toyota Fortuner - BS 60A-004.04	1		1.233.540	410.810	1				
	Xe ô tô Toyota Fortuner BS 93A-002.17	1		1.230.548	409.772	1				
	Xe ô tô 16 chỗ Ford Transist BS 93A-00089	1		797.669	106.010	1				
2.2.2	VKSND khu vực 1	1		827.728	54.791	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Xe ô tô Ford Focus Biển số 60A-01007	1		827.728	54.791	1				
2.2.3	VKSND khu vực 2	2		1.635.660	925.633	2				
	Xe ô tô Toyota Corolla Altis (BKS: 60A-004.78)	1		822.260	383.502	1				
	Xe ô tô Toyota Corolla Altis (BKS: 60A-006.06)	1		813.400	542.131	1				
2.2.4	VKSND khu vực 3	2		1.625.210	490.214	2				
	Xe ô tô Ford Escape -60A-00128	1		802.950	106.712	1				
	Xe ô tô TOYOTA-60A-00476	1		822.260	383.502	1				
2.2.5	VKSND khu vực 4	1		791.500	580.328	1				
	Xe ô tô hiệu Corolla Altis (BS: 60A-006.48)	1		791.500	580.328	1				
2.2.6	VKSND khu vực 5	1		720.000	575.928	1				
	Xe ô tô MITSUBISHI - BKS- 60A-00940	1		720.000	575.928	1				
2.2.8	VKSND khu vực 7	1		791.500	580.328	1				
	Xe Ô tô TOYOTA Corolla Altis - BKS: 60A-006.49	1		791.500	580.328	1				
2.2.9	VKSND khu vực 8	1		720.000	575.928	1				
	Xe ô tô Mitsubishi BKS: 60A-00938	1		720.000	575.928	1				
2.2.10	VKSND khu vực 9	1		804.839	590.108	1				
	Xe ô tô Toyota Corolla Altis 93A-00472	1		804.839	590.108	1				
2.2.11	VKSND khu vực 10	1		761.995	609.571	1				
	xe ô tô Mitshubishi 7 chỗ (Biển số 93A- 010.23)	1		761.995	609.571	1				
2.2.12	VKSND khu vực 11	2		1.566.834	1.199.811	2				
	Xe ô tô Toyota Corolla Altis 93A-00473	1		804.839	590.215	1				
	Xe ô tô Mitsubishi outlander GF2WXTMGLV2 - 93A.01012	1		761.995	609.596	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2.2.13	VKSND khu vực 12	1		777.714	103.358	1				
	Xe ô tô hiệu FORD FOCUS -93A-00118	1		777.714	103.358	1				
2.2.14	VKSND khu vực 13	2		2.000.120	618.681	2				
	Xe ô tô Toyota Corolla BKS: 93A-00439	1		808.900	539.267	1				
	Xe ô tô Toyota Fortuner BKS: 93A-00133	1		1.191.220	79.415	1				
2.2.15	VKSND khu vực 14	1		844.764	394.195	1				
	Xe ô tô Toyota Corolla 1.8 BKS 93A - 00312	1		844.764	394.195	1				
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)	36		635.404	0	36				
3.1	Văn phòng	5		89.653	0	5				
	Xe máy Honda Wave S - BS 60B1-000.83	1		19.977		1				
	Xe máy Yamaha Sirius - BS 60B1-0556	1		16.100		1				
	Xe máy Honda Wave S - BS 60B1-000.91	1		19.977		1				
	Xe máy Yamaha Sirius - BS 60B7-5050	1		17.200		1				
	Xe máy Yamaha Sirius - BS 60B8-0032	1		16.400		1				
3.2	VKSND khu vực 1	3		55.827	0	3				
	Xe gắn máy Yamaha Sirius Biển số 60B1-0577	1		17.390		1				
	Xe gắn máy Yamaha Sirius Biển số 60B8-0058	1		18.460		1				
	Xe gắn máy Honda Wave S110 Biển số 60B1-00085	1		19.977		1				
3.3	VKSND khu vực 2	3		56.353	0	3				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Xe máy Yamaha Sirius - BS: 60B7-0012	1		16.400		1				
	Xe máy Wave S110 - BS: 60B1-000.93	1		19.977		1				
	Xe máy Wave S110 - BS: 60B1-000.92	1		19.977		1				
3.4	VKSND khu vực 3	4		73.253	0	4				
	Xe máy YAMAHA-60B1-0595	1		16.100		1				
	Xe máy YAMAHA-60B6-0027	1		17.200		1				
	Xe máy honda WaveS 60B-00097	1		19.977		1				
	Xe máy HONDA- 60B1-00095	1		19.977		1				
3.5	VKSND khu vực 4	3		56.053	0	3				
	Xe máy YAMAHA	1		16.100		1				
	Xe máy HONDA WAVE S	1		19.977		1				
	Xe máy HONDA WAVE S	1		19.977		1				
3.9	VKSND khu vực 8	3		56.353	0	3				
	Xe máy Yamaha Sirius BKS: 60B3-0011	1		16.400		1				
	Xe máy Honda Wave S BKS: 60B1-000.82	1		19.977		1				
	Xe máy Honda Wave S BKS: 60B1-000.81	1		19.977		1				
3.10	VKSND khu vực 9	2		33.980	0	2				
	Xe gắn máy	1		16.990		1				
	Xe máy Wave S	1		16.990		1				
3.11	VKSND khu vực 10	4		65.680	0	4				
	Xe máy hiệu Yamaha biển số xe 93B1-1003	1		16.500		1				
	Xe máy hiệu Taurus biển số xe 93B1-000.16	1		15.200		1				
	Xe máy Ware S Biển số xe 93B1-000.69	1		16.990		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Xe máy honda Wave S Biển số xe 93B1-000.68	1		16.990		1				
3.12	VKSND khu vực 11	4		65.090	0	4				
	Xe máy Yamaha Sirius -93B1.0907	1		16.100		1				
	Xe máy Yamaha Sirius -93B1.0939	1		15.500		1				
	xe máy Yamaha Sirius -93B1.1005	1		16.500		1				
	Xe máy Honda Ware S 93B1-000.73	1		16.990		1				
3.13	VKSND khu vực 12	1		16.990	0	1				
	Xe gắn máy honda Waves-93B1-00070	1		16.990		1				
3.14	VKSND khu vực 13	3		49.180	0	3				
	Xe máy Yamaha Taurus (BKS: 93B1.1042)	1		15.200		1				
	Xe máy Honda Ware S (BKS: 93B1-000.67)	1		16.990		1				
	Xe máy Honda Ware S 110 (BKS: 93B1-000.74)	1		16.990		1				
3.15	VKSND khu vực 14	1		16.990	0	1				
	Xe gắn máy Honda Wave S BS 93B1 - 000.71	1		16.990		1				
4	Máy móc, thiết bị	1.668		50.436.076	16.635.471	1.668				
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh	624		8.683.127	2.006.904	624				
4.1.1	Văn phòng	204		2.854.510	859.278	204				
	Bàn làm việc cầm xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cầm xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bàn làm việc cỡ xe gỗ 0,7m x 1,4m -2008	1		12.500		1				
	Bộ bàn ghế (1 bàn + 6 ghế)-2009	1		14.355		1				
	Bàn ghế làm việc lãnh đạo-2009	1		14.190		1				
	Bàn ghế làm việc lãnh đạo-2009	1		14.190		1				
	Bàn ghế làm việc lãnh đạo-2009	1		14.190		1				
	Bộ Bàn ghế làm việc lãnh đạo-2009	1		14.190		1				
	Bộ bàn ghế (1 bàn + 6 ghế)-2009	1		14.355		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Bộ bàn ghế (1 bàn + 6 ghế)-2009	1		14.355		1				
	Bộ bàn ghế (1 bàn + 6 ghế)-2009	1		14.355		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		18.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		16.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		16.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Bàn làm việc gỗ gỗ đỏ (BP)	1		11.000		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7020 -2015	1		14.882		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7020 -2015	1		14.882		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7020 -2015	1		14.882		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7020 -2015	1		14.882		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7020 -2015	1		14.882		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7020 -2015	1		14.882		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7020 -2015	1		14.882		1				
	Bộ bàn ghế họp-CVP-2016	1		19.900		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Vos 3268 SF i3-7100/4GB/1TB/DVDRW_STI31506 (P)	1		12.666		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Vos 3268 SF i3-7100/4GB/1TB/DVDRW_STI31506 (P)	1		12.666		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Vos 3268 SF i3-7100/4GB/1TB/DVDRW_STI31506 (P)	1		12.666		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microfrom Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Vos 3268 SF i3-7100/4GB/1TB/DVDRW_STI31506 (P)	1		12.666		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Vos 3268 SF i3-7100/4GB/1TB/DVDRW_STI31506 (P)	1		12.666		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microfrom Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO - Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn lắp ráp (BP)	1		14.950		1				
	Máy vi tính để bàn HP (BP)	1		14.950		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro	1		14.990		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn ASUS D700SC-2022	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS D700SC-2022	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS D700SC-2022	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS D700SC-2022	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS D700SC-2022	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính xách tay HP (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính xách tay HP (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính xách tay HP (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính xách tay HP (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính xách tay HP (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính xách tay HP (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính xách tay HP (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính để bàn lắp ráp (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính để bàn lắp ráp (BP)	1		14.950	2.990	1				
	Máy vi tính để bàn lắp ráp (BP)	1		15.000	3.000	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS Model: ExpertCenter D700SD -2023	1		15.136	6.054	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		12.700	7.620	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		12.700	7.620	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		12.700	7.620	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		12.700	7.620	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		12.700	7.620	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		12.700	7.620	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		12.700	7.620	1				
	Máy vi tính để bàn lắp ráp (BP)	1		14.410	8.646	1				
	Máy vi tính để bàn lắp ráp (BP)	1		14.410	8.646	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính để bàn SingPC i3143.5S6805S0-W+SGP215VAS	1		10.230	8.184	1				
	Máy vi tính để bàn SingPC i3143.5S6805S0-W+SGP215VAS	1		10.230	8.184	1				
	Máy vi tính để bàn SingPC i3143.5S6805S0-W+SGP215VAS	1		10.230	8.184	1				
	Máy vi tính để bàn SingPC i3143.5S6805S0-W+SGP215VAS	1		10.230	8.184	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn SingPC i3143.5S6805S0-W+SGP215VAS	1		10.230	8.184	1				
	Máy vi tính để bàn SingPC i3143.5S6805S0-W+SGP215VAS	1		10.230	8.184	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				
	Máy vi tính xách tay Notebook SingPC Series M16 - M16i51385-W	1		13.706	10.965	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center S503MER-314100013W -2025 (QLAHS)	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính xách tay Asus Vivobook (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5420 (BP)	1		15.000	12.000	1				
4.1.2	VKSND khu vực 1	73		1.031.219	270.255	73				
	Máy tính xách tay HP430	1		13.404		1				
	Máy vi tính HP PR03000S	1		11.926		1				
	Bàn ghế tiếp khách	1		11.000		1				
	Bàn ghế tiếp khách	1		11.000		1				
	Bàn ghế tiếp khách	1		11.000		1				
	Bàn ghế tiếp khách	1		11.000		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7020	1		14.882		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7020	1		14.882		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7020	1		14.882		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7020	1		14.882		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7020	1		14.882		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7020	1		14.882		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7020	1		14.882		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7050	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7050	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7050	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7050	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7050	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7050	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7060	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7060	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7060	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7060	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optilex 7060	1		14.990		1				
	Máy vi tính bàn HP Pro AG2	1		15.418		1				
	Máy vi tính bàn HP Pro AG2	1		15.418		1				
	Máy vi tính bàn HP Pro AG2	1		15.418		1				
	Máy vi tính bàn Dell Vostro 3681 ST	1		14.982		1				
	Máy vi tính bàn Dell Vostro 3681 ST	1		14.982		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn I5-11400/8GB/SSD	1		15.000	3.000	1				
	Máy vi tính để bàn I5-11400/8GB/SSD	1		15.000	3.000	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS ExpertCenter Core i3	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS ExpertCenter Core i3	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn HPS01-PF1002D (Máy soạn thảo VB mật)	1		14.800	2.960	1				
	Máy vi tính để bàn Dell Inspiron 3020	1		14.839	5.936	1				
	Máy vi tính để bàn Asus D700SE	1		15.000	9.000	1				
	Máy vi tính để bàn Asus D700SE	1		15.000	9.000	1				
	Máy vi tính để bàn Asus D700SE	1		15.000	9.000	1				
	Máy vi tính để bàn Asus D700SE	1		15.000	9.000	1				
	Máy in Canon LBP 226Dw	1		10.000	6.000	1				
	Máy vi tính để bàn Asus D700SE	1		15.000	9.000	1				
	Máy vi tính để bàn Asus D700SE	1		15.000	9.000	1				
	Máy in Canon LBP 226Dw	1		10.000	6.000	1				
	Máy in Canon LBP 226Dw	1		10.000	6.000	1				
	Máy in Canon LBP 226Dw	1		10.000	6.000	1				
	Máy tính để bàn SingPC	1		10.230	8.184	1				
	Máy tính để bàn SingPC	1		10.230	8.184	1				
	Máy tính để bàn SingPC	1		10.230	8.184	1				
	Máy tính để bàn SingPC	1		10.230	8.184	1				
	Máy tính xách tay Lenovothink Pad E14 Gen 7 (Latitude 7350 Detachable)	1		19.872	15.898	1				
	Máy tính xách tay Asus K3605V i5 (Latitude 7350 Detachable)	1		19.904	15.924	1				
	Máy tính để bàn SingPC	1		10.230	8.184	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy tính xách tay Asus K3605V i5 (Latitude 7350 Detachable)	1		19.904	15.924	1				
	Máy tính để bàn SingPC	1		10.230	8.184	1				
	Máy tính xách tay Lenovothink Pad E14 Gen 7 (Latitude 7350 Detachable)	1		19.872	15.898	1				
	Máy tính để bàn SingPC	1		10.230	8.184	1				
	Máy tính để bàn SingPC	1		10.230	8.184	1				
4.1.3	VKSND khu vực 2	28		397.252	73.624	28				
	Máy tính để bàn Dell 7050	1		14.055		1				
	Máy tính để bàn Dell 7050	1		14.055		1				
	Máy tính để bàn Dell 7050	1		14.055		1				
	Máy vi tính Dell OptiPlex 7060	1		14.990		1				
	Máy tính để bàn Dell optiplex 7060	1		14.990		1				
	Máy vi tính Dell OptiPlex 7060	1		14.990		1				
	Máy tính để bàn Dell optiplex 7060	1		14.990		1				
	Máy tính để bàn Dell optiplex 7060	1		14.990		1				
	Máy tính để bàn Dell optiplex 7060	1		14.990		1				
	Máy vi tính HP	1		15.418		1				
	Máy vi tính HP Pro AG2/ryzen9Pro (Hung)	1		15.418		1				
	Máy tính lắp ráp CPU Intel i3	1		10.880		1				
	Máy tính bàn Asus ExpertCenter D700SSC(Hồng)	1		15.153	3.031	1				
	Máy tính bàn Asus ExpertCenter D700SC(Hương)	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn Asus Expert Center Core i3	1		15.153	3.031	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn Asus Expert Center Core i3	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn Asus Expert Center Core i3	1		15.153	3.031	1				
	Máy tính bàn Asus ExpertCenter D700SC (Thủy)	1		15.153	3.031	1				
	Máy tính bàn HP	1		14.900	2.980	1				
	Máy vi tính để bàn Asus Expert Center Core i3	1		15.153	3.031	1				
	Máy tính bàn Asus ExpertCenter D700SC (Thanh))	1		15.153	3.031	1				
	Máy tính bàn Asus ExpertCenter D700SC (Lý)	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn Asus Expert Center Core i3	1		15.153	3.031	1				
	Máy tính để bàn Wiscom Digital	1		13.155	7.893	1				
	Máy tính bàn Wiscom Digital (Tú)	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn SingPC (Tiền)	1		10.230	8.184	1				
	Máy vi tính để bàn SingPC (KSV Bình)	1		10.230	8.184	1				
	Máy vi tính để bàn SingPC (PVT Hùng)	1		10.230	8.184	1				
4.1.4	VKSND khu vực 3	31		441.550	92.856	31				
	Bộ ghế salon gỗ 01	1		10.000		1				
	Máy tính để bàn Venr	1		12.899		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		18.602		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		18.602		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		18.602		1				
	Máy vi tính để bàn Dell 7050	1		14.055		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		14.055		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		14.055		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		14.055		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn Dell 7050	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell 7060	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell 7060	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell 7060	1		14.990		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		14.990		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn HP	1		15.418		1				
	Máy vi tính để bàn Asus Expert Center Core i3	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS	1		15.153	3.031	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center Core i3	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS	1		15.153	3.031	1				
	Máy tính để bàn Asus Expert Center Core i3	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS	1		15.153	3.031	1				
	Máy tính để bàn Wiscom Digital	1		13.155	7.893	1				
	Máy tính để bàn Winscom Digital	1		13.155	7.893	1				
	Máy tính bàn H619/I3 1200/SSD256GB	1		12.340	9.872	1				
	Máy tính bàn SingPC i3143.5S6805S 0-W+SGP215VAS	1		10.230	8.184	1				
	Máy tính bàn SingPC i3143.5S6805S 0-W+SGP215VAS	1		10.230	8.184	1				
	Máy tính bàn H619/I3 1200/SSD256GB	1		12.340	9.872	1				
	Máy tính bàn H619/I3 1200/SSD256GB	1		12.340	9.872	1				
	Máy tính bàn H619/I3 1200/SSD256GB	1		12.340	9.872	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4.1.5	VKSND khu vực 4	26		368.708	104.298	26				
	Máy tính để bàn Dell	1		14.000		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		14.882		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		14.882		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		14.882		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		14.882		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		14.882		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		14.882		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		14.882		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		14.990		1				
	Máy tính để bàn Dell	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn DELL OptiPlex-7060	1		15.418		1				
	Máy tính để bàn Asus	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn Asus Expert Center Core i3	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn Asus Expert Center Core i3	1		15.153	3.031	1				
	Máy tính để bàn Asus	1		15.153	3.031	1				
	Máy tính để bàn hiệu Asus	1		15.153	3.031	1				
	Máy tính để bàn Dell	1		15.153	3.031	1				
	Máy tính để bàn hiệu wiscom 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy tính để bàn Wiscom	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn hiệu ASUS - 2025	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính để bàn hiệu ASUS-2025	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính để bàn hiệu ASUS-2025	1		14.290	11.432	1				
	Máy vi tính để bàn Sing PC	1		10.230	8.184	1				
	Máy vi tính để bàn CPU hiệu ASUS	1		12.290	9.832	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn CPU hiệu ASUS	1		12.290	9.832	1				
	Máy vi tính để bàn Sing PC	1		10.230	8.184	1				
4.1.6	VKSND khu vực 5	11		150.331	24.638	11				
	Máy tính để bàn 7050	1		14.055		1				
	Máy tính để bàn 7050	1		14.055		1				
	Máy tính để bàn 7050	1		14.055		1				
	Máy tính để bàn 7060	1		14.825		1				
	Máy tính để bàn 7060	1		14.825		1				
	Máy tính để bàn 7060	1		14.825		1				
	Máy vi tính để bàn Asus 2022	1		15.153	3.031	1				
	Máy tính để bàn Asus 2022	1		15.153	3.031	1				
	Bàn ghế tiếp khách	1		10.000	2.500	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn SingPC i3143.5S6805S 0-W +SGP215VAS	1		10.230	8.184	1				
4.1.7	VKSND khu vực 6	21		305.698	81.686	21				
	Máy vi tính để bàn Dell 2015 (3) Tuyển	1		14.882		1				
	Máy vi tính để bàn Dell 2015 (2)	1		14.882		1				
	Máy vi tính để bàn Dell 2015 (1) Văn	1		14.882		1				
	Máy vi tính để bàn Dell 2015 (4) Huệ	1		14.882		1				
	máy vi tính để bàn Dell 2017 (2) Quỳnh	1		14.055		1				
	máy vi tính để bàn Dell 2017 (1) Bình	1		14.055		1				
	máy vi tính để bàn Dell 2017 (3) Quỳnh	1		14.055		1				


 VIỆN
 KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
 MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060 Micro 2018 Trắng	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn HP 2019 Q Hùng (1)	1		15.418		1				
	Máy vi tính để bàn HP 2019 Soa (2)	1		15.418		1				
	Máy vi tính để bàn Asus 2022 Diên (3)	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn Asus 2022 Lý (4)	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn Asus 2022 Tuyền (1)	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn Asus 2022 (2) Đức	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom 2024 (Dung)	1		14.652	8.791	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2024 (Chị Tâm)	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom 2024 (Thảo)	1		14.652	8.791	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital 2025 (thúy) 2	1		14.960	11.968	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom 2025 (Tình) 1	1		14.960	11.968	1				
	Máy vi tính để bàn SGP215VAS 2025 (Tuyền)	1		10.230	8.184	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom 2025 (Bộ phận Thống kê) 3	1		14.960	11.968	1				
4.1.8	VKSND khu vực 7	18		254.108	62.609	18				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7020 SFF	1		14.882		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7020 SFF	1		14.882		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060	1		14.990		1				
	Máy vi tính ASUS ExpertCenter D700SC	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính ASUS ExpertCenter D700SC	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính ASUS ExpertCenter D700SC	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn Dell VOSTRO 3020T	1		15.000	6.000	1				
	Máy vi tính để bàn Dell VOSTRO 3020T	1		15.000	6.000	1				
	Máy vi tính để bàn Dell VOSTRO 3020T	1		15.000	6.000	1				
	Máy vi tính để bàn Philip ExpertCenter D700SD	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn Huntkey	1		12.150	9.720	1				
	Máy vi tính để bàn Huntkey	1		12.150	9.720	1				
	Máy tính để bàn SingPC	1		10.230	8.184	1				
4.1.9	VKSND khu vực 8	14		201.900	49.149	14				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO-Malaysia	1		14.055		1				
	Máy vi tính để bàn Dell Optiplex 7050 Microform Factor CTO-Malaysia	1		14.055		1				
	Máy tính để bàn Dell Optiplex 7060	1		14.990		1				
	Máy tính để bàn Dell Optiplex 7060	1		14.990		1				
	Máy tính để bàn Dell OPTIPLEX 7060	1		14.990		1				
	Máy vi tính để bàn HP Pavilion 590	1		15.000		1				
	Máy vi tính để bàn HP Pavilion	1		15.000		1				
	Máy vi tính để bàn ASUS	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn ASUS	1		15.153	3.031	1				
	Máy vi tính để bàn Wiscom Digital	1		13.155	7.893	1				
	Máy vi tính để bàn TW-F24IFHD4100	1		15.035	12.028	1				
	Máy vi tính để bàn TW-F22IFHD100	1		14.940	11.952	1				
	Máy vi tính để bàn SILICOM	1		10.230	8.184	1				
4.1.10	VKSND khu vực 9	41		559.414	105.026	41				
	Máy vi tính để bàn HP	1		11.600		1				
	Máy vi tính để bàn HP	1		11.600		1				
	Máy vi tính để bàn FPT	1		12.500		1				
	Bàn làm việc gỗ	1		24.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ	1		16.500		1				
	Bàn làm việc gỗ	1		10.000		1				
	Máy vi tính để bàn Acer	1		15.000		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn Acer	1		15.000		1				
	Máy vi tính để bàn Acer	1		13.636		1				
	Máy vi tính để bàn Acer	1		15.000		1				
	Máy vi tính để bàn Acer	1		15.000		1				
	Máy vi tính để bàn Acer	1		15.000		1				
	Bàn làm việc gỗ	1		10.000		1				
	Máy vi tính để bàn Acer	1		15.000		1				
	Bàn làm việc gỗ	1		10.000		1				
	Máy vi tính để bàn Acer	1		13.636		1				
	Máy vi tính để bàn Acer	1		13.636		1				
	Bàn làm việc gỗ	1		13.000		1				
	Máy vi tính để bàn HP	1		15.000		1				
	Máy vi tính để bàn HP	1		15.000		1				
	Máy vi tính để bàn HP	1		15.000		1				
	Máy vi tính để bàn HP	1		14.982		1				
	Máy vi tính để bàn HP	1		14.982		1				
	Máy vi tính để bàn HP	1		14.982		1				
	Máy vi tính để bàn D7 SFF Asus	1		15.000	3.000	1				
	Máy vi tính để bàn D7 SFF Asus	1		15.000	3.000	1				
	Máy vi tính để bàn D7 SFF Asus	1		15.000	3.000	1				
	Máy vi tính để bàn D7 SFF Asus	1		15.000	3.000	1				
	Máy vi tính để bàn D7 SFF Asus	1		15.000	3.000	1				
	Máy vi tính để bàn VN lắp ráp VPS	1		14.850	5.940	1				
	Máy vi tính để bàn VN lắp ráp VPS	1		13.350	5.340	1				
	Máy vi tính để bàn VN lắp ráp VPS	1		14.850	5.940	1				
	Máy vi tính để bàn VN lắp ráp VPS	1		13.400	5.360	1				
	Máy vi tính để bàn fujitsu fu-10400	1		14.410	8.646	1				
	Máy vi tính để bàn VPS	1		10.500	8.400	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn VPS	1		10.500	8.400	1				
	Máy vi tính để bàn VPS	1		10.500	8.400	1				
	Máy vi tính để bàn VPS	1		10.500	8.400	1				
	Máy vi tính để bàn VPS	1		10.500	8.400	1				
	Máy vi tính để bàn VPS	1		10.500	8.400	1				
	Máy vi tính để bàn VPS	1		10.500	8.400	1				
4.1.11	VKSND khu vực 10	49		661.318	91.134	49				
	Máy tính bàn HP	1		11.600		1				
	Máy tính bàn HP	1		11.600		1				
	Máy tính bàn HP	1		11.600		1				
	Máy tính bàn Asus	1		15.000		1				
	Bàn làm việc gỗ	1		10.500		1				
	Máy tính bàn HP	1		15.000		1				
	Máy tính bàn Asus	1		11.600		1				
	Máy tính bàn Dell VOSTRO	1		15.000		1				
	Máy tính bàn Acer	1		12.000		1				
	Máy tính để bàn FPT	1		12.500		1				
	Máy tính bàn FPT ELEAD T79i	1		12.500		1				
	Máy tính để bàn FPT	1		12.500		1				
	Máy tính để bàn Acer	1		13.636		1				
	Máy tính bàn Acer	1		13.636		1				
	Máy tính để bàn Acer	1		13.636		1				
	Máy tính để bàn Acer	1		13.636		1				
	Máy tính bàn Acer	1		13.636		1				
	Máy tính bàn Acer	1		12.000		1				
	Máy vi tính để bàn Acer	1		13.636		1				
	Máy tính xách tay Dell	1		11.400		1				
	Bàn làm việc gỗ	1		11.484		1				
	Bàn làm việc gỗ	1		11.484		1				
	Bàn làm việc gỗ	1		11.484		1				
	Bàn làm việc gỗ	1		11.484		1				
	Bàn làm việc gỗ	1		11.484		1				
	Bàn làm việc gỗ	1		11.484		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Bàn làm việc lãnh đạo	1		19.976		1				
	Bàn làm việc gỗ	1		11.484		1				
	Bàn làm việc lãnh đạo	1		19.976		1				
	Bàn làm việc gỗ	1		11.484		1				
	Bàn làm việc gỗ	1		11.484		1				
	Bàn làm việc lãnh đạo	1		19.976		1				
	Bàn làm việc gỗ	1		11.484		1				
	Máy tính để bàn HP	1		14.982		1				
	Máy tính để bàn HP	1		14.982		1				
	Máy tính để bàn VTB V3160U-MS17	1		14.950		1				
	Máy tính để bàn D7 SFF ASUS	1		15.000	3.000	1				
	Máy tính bàn ASUS	1		15.000	3.000	1				
	Máy tính bàn Asus	1		15.000	3.000	1				
	Máy tính bàn ASUS	1		15.000	3.000	1				
	Máy tính để bàn D7 SFF ASUS	1		15.000	3.000	1				
	Máy tính bàn Asus	1		15.000	3.000	1				
	Máy tính bàn Fufisys fu-104000	1		14.410	8.646	1				
	Máy tính bàn HIKVISION	1		14.894	11.915	1				
	Máy tính bàn HIKVISION	1		14.894	11.915	1				
	Máy tính bàn HIKVISION	1		14.894	11.915	1				
	Máy tính bàn HIKVISION	1		11.976	9.581	1				
	Máy tính bàn HIKVISION	1		11.976	9.581	1				
	Máy tính bàn HIKVISION	1		11.976	9.581	1				
4.1.12	VKSND khu vực 11	44		573.835	126.770	44				
	Máy tính để bàn HP	1		11.600		1				
	Máy tính để bàn DELL	1		15.000		1				
	Máy tính để bàn HP	1		11.600		1				
	Máy tính để bàn HP	1		11.600		1				
	Máy tính để bàn DELL	1		15.000		1				
	Máy tính để bàn FPT	1		12.500		1				
	Máy vi tính để bàn Acer X6630G	1		13.636		1				
	Máy tính để bàn Acer	1		13.636		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính để bàn Acer X6630G	1		13.636		1				
	Máy vi tính để bàn Acer X6630G	1		13.636		1				
	Máy tính để bàn Acer	1		13.636		1				
	Máy vi tính để bàn Acer X6630G (Phòng họp)	1		13.636		1				
	Máy vi tính để bàn Acer X6630G	1		13.636		1				
	Bàn làm việc lãnh đạo	1		13.900		1				
	Máy vi tính để bàn HP-Prodesk	1		15.000		1				
	Máy vi tính để bàn HP-Prodesk	1		15.000		1				
	Máy vi tính để bàn HP-Prodesk	1		15.000		1				
	Máy vi tính để bàn HP-Prodesk	1		15.000		1				
	Máy vi tính để bàn HP-Prodesk	1		14.982		1				
	Máy tính bàn D7 SFF ASUS	1		15.000	3.000	1				
	Máy vi tính để bàn thường Asus	1		15.000	3.000	1				
	Máy vi tính để bàn thường Asus	1		15.000	3.000	1				
	Máy tính bàn D7 SFF ASUS	1		15.000	3.000	1				
	Tủ hồ sơ	1		10.922	4.369	1				
	Tủ hồ sơ	1		10.922	4.369	1				
	Tủ hồ sơ	1		10.922	4.369	1				
	Tủ hồ sơ	1		10.922	4.369	1				
	Tủ hồ sơ	1		10.922	4.369	1				
	Tủ hồ sơ	1		10.922	4.369	1				
	Tủ hồ sơ	1		10.922	4.369	1				
	Tủ hồ sơ	1		10.922	4.369	1				
	Bộ bàn ghế sofa tiếp khách phòng lãnh đạo	1		14.562	9.829	1				
	Tủ hồ sơ	1		10.922	4.369	1				
	Tủ hồ sơ	1		10.922	4.369	1				
	Máy vi tính để bàn (V/N lắp ráp) HP	1		14.850	5.940	1				
	Tủ hồ sơ	1		10.922	4.369	1				
	Tủ hồ sơ	1		10.922	4.369	1				
	Tủ hồ sơ	1		10.922	4.369	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy tính xách tay HP core i5 2023	1		15.000	6.000	1				
	Tủ hồ sơ	1		10.922	4.369	1				
	Bộ bàn ghế sofa tiếp khách phòng lãnh đạo	1		14.562	9.829	1				
	Tủ hồ sơ	1		10.922	4.369	1				
	Máy tính xách tay core i7 2024	1		14.993	8.996	1				
	Máy tính bàn Fujisys fu - 104000 (VN)	1		14.410	8.646	1				
4.1.13	VKSND khu vực 12	14		199.596	20.640	14				
	Máy tính để bàn Asus	1		14.410	8.700	1				
	Máy tính để bàn dell	1		15.000		1				
	Máy tính để bàn Ecer	1		12.500		1				
	Máy tính để bàn HP	1		14.982		1				
	Máy tính để bàn ecer	1		15.000	3.000	1				
	Máy tính để bàn HP	1		14.982		1				
	Máy tính để bàn Asus	1		15.000	3.000	1				
	Máy tính để bàn HP	1		14.982		1				
	Máy tính để bàn việt nam	1		14.850	5.940	1				
	Máy tính để bàn HP	1		14.982		1				
	Máy tính để bàn Ecer	1		13.636		1				
	Máy tính để bàn Ecer	1		12.000		1				
	Máy tính để bàn Ecer	1		13.636		1				
	Máy tính để bàn Ecer	1		13.636		1				
4.1.14	VKSND khu vực 13	29		397.982	14.940	29				
	Máy tính bàn FPT	1		12.500		1				
	Máy tính bàn FPT	1		12.500		1				
	Máy tính bàn Acer	1		13.636		1				
	Máy tính bàn HP	1		15.000		1				
	Máy tính bàn HP	1		14.982		1				
	Máy tính bàn HP	1		14.982		1				
	Máy tính bàn HP	1		14.982		1				
	Bàn làm việc gỗ đỏ	1		10.440		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Bàn làm việc lãnh đạo	1		18.160		1				
	Bàn làm việc gỗ đỏ	1		10.440		1				
	Bàn làm việc lãnh đạo	1		18.160		1				
	Bàn làm việc gỗ đỏ	1		10.440		1				
	Bàn làm việc gỗ đỏ	1		10.440		1				
	Bàn làm việc gỗ đỏ	1		10.440		1				
	Bàn làm việc gỗ đỏ	1		10.440		1				
	Bàn làm việc gỗ đỏ	1		10.440		1				
	Bàn làm việc lãnh đạo	1		18.160		1				
	Bàn làm việc gỗ đỏ	1		10.440		1				
	Bàn làm việc gỗ đỏ	1		10.440		1				
	Bàn làm việc gỗ đỏ	1		10.440		1				
	Máy tính xách tay HP 240	1		15.000		1				
	Máy tính bàn HP	1		19.910		1				
	Máy tính bàn HP	1		15.800		1				
	Máy tính xách tay HP 245	1		15.000		1				
	Máy tính bàn HP	1		14.960		1				
	Máy tính bàn D7 SFF ASUS	1		15.000	3.000	1				
	Máy tính bàn D7 SFF ASUS	1		15.000	3.000	1				
	Máy tính bàn D7 SFF ASUS	1		15.000	3.000	1				
	Máy tính bàn lắp ráp	1		14.850	5.940	1				
4.1.15	VKSND khu vực I4	21		285.706	30.000	21				
	Bộ salon nệm phòng lãnh đạo	1		12.000		1				
	Máy vi tính bàn LG	1		11.600		1				
	Máy vi tính bàn LG	1		11.600		1				
	Bộ salon nệm phòng lãnh đạo	1		12.000		1				
	Máy vi tính bàn Dell	1		14.960		1				
	Máy vi tính bàn FPT	1		12.500		1				
	Máy vi tính bàn FPT	1		12.500		1				
	Máy vi tính bàn FPT	1		12.500		1				
	Máy vi tính bàn FPT	1		12.500		1				
	Máy vi tính bàn FPT	1		12.500		1				
	Máy vi tính bàn FPT	1		12.500		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính bàn Acer	1		13.636		1				
	Máy vi tính bàn HP	1		14.982		1				
	Máy vi tính bàn LG	1		14.982		1				
	Máy vi tính bàn HP	1		14.982		1				
	Máy vi tính bàn HP	1		14.982		1				
	Máy vi tính bàn HP	1		14.982		1				
	Máy vi tính bàn HP	1		15.000	3.000	1				
	Máy vi tính bàn HP	1		15.000	3.000	1				
	Máy tính xách tay Asus Vivobook	1		15.000	12.000	1				
	Máy tính xách tay Asus Vivobook	1		15.000	12.000	1				
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	759		28.061.287	9.580.328	759				
4.2.1	Văn phòng	156		4.759.554	960.331	156				
	Kệ sắt 24 hộc - 2004	1		34.200		1				
	Bàn ghế gỗ salon(gốc cây)-2008	1		20.000		1				
	Bộ bàn oval (1 bàn + 10 ghế)-2008	1		74.200		1				
	Máy bơm nước, bể chứa trụ sở chính	1		143.711		1				
	Bàn ghế phòng chờ làm việc-2009	1		44.550		1				
	Hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà trụ sở chính	1		106.201		1				
	Tủ gỗ 4 ngăn lớn -2009	1		16.995		1				
	Bàn ghế phòng tiếp dân-2009	1		44.550		1				
	Tủ gỗ 4 ngăn lớn -2009	1		16.995		1				
	Tủ gỗ 4 ngăn lớn -2009	1		23.430		1				
	Bộ bàn ghế oval (16 ghế)-2009	1		49.500		1				
	Tivi Panosonic	1		22.900		1				
	Loa thùng	1		23.456		1				
	Bàn oval gỗ mới (1 bàn + 30 ghế)-2009	1		74.030		1				
	Tủ gỗ 4 ngăn lớn -2009	1		16.995		1				
	Bàn họp cơ quan oval (BPP	1		109.300		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		10.000		1				
	Máy phát điện	1		365.945		1				
	Tivi Panasonic-2013	1		18.590		1				
	Máy lạnh Panasonic	1		13.620		1				
	Máy Photocopy Sharp	1		50.744		1				
	Bộ salon tiếp khách (1 bàn, 4 ghế, 3 đôn) (BP)	1		55.000		1				
	Bộ salon tiếp khách (1 bàn, 4 ghế, 3 đôn) (BP)	1		55.000		1				
	Bộ salon tiếp khách (1 bàn, 12 ghế, 4 đôn) (BP)	1		98.650		1				
	Bàn họp phòng nghiệp vụ (BP)	1		10.000		1				
	Máy chiếu Panasonic LX271-EA	1		38.939		1				
	Bàn Mixer gỗ cẩm xe (BP)	1		10.500		1				
	Bộ salon tiếp khách (1 bàn, 4 ghế, 3 đôn) (BP)	1		55.000		1				
	Bục phát biểu (BP)	1		11.000		1				
	Bục phát biểu (BP)	1		11.000		1				
	Bục để tượng Bác (BP)	1		11.000		1				
	Bục để tượng Bác (BP)	1		11.000		1				
	Máy lạnh 2016	1		17.000		1				
	Máy lạnh 2016	1		17.000		1				
	Máy quay Video -2015	1		19.838		1				
	Máy quay Video -2015	1		19.838		1				
	Thiết bị HP Swich, Ruoter Dratek	1		44.330		1				
	Máy lạnh Toshiba 2 ngựa - 2015	1		17.000		1				
	Máy lạnh Toshiba 2 ngựa - 2015	1		17.000		1				
	Âm ly + 4 Loa (bộ) -2015	1		29.437		1				
	Âm ly + 4 Loa (bộ) -2015	1		29.437		1				
	Bàn họp phòng nghiệp vụ (BP)	1		16.900		1				
	Máy lạnh Funiki 5 HP (BP)	1		55.000		1				
	Máy lạnh 2016	1		17.000		1				
	Máy lạnh Toshiba 2016	1		17.000		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy lạnh Toshiba 2016	1		17.000		1				
	Bộ Loa, amply, Micro - 2016	1		10.110		1				
	Bàn họp phòng nghiệp vụ (BP)	1		18.000		1				
	Bàn họp phòng nghiệp vụ (BP)	1		16.000		1				
	Bàn họp phòng nghiệp vụ (BP)	1		16.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ căm xe (BP)	1		21.000		1				
	Máy lạnh Toshiba 2HP (2017)	1		17.000		1				
	Tivi SONY KDL-40R350E + Đầu đọc đĩa DVP-SR760 -Asia	1		14.474		1				
	Máy lạnh Toshiba 2.HP (2017)	1		17.000		1				
	Bàn họp phòng nghiệp vụ (BP)	1		10.000		1				
	Camera HDR-PJ675E - TQ	1		19.974		1				
	Tivi SONY KDL-40R350E + Đầu đọc đĩa DVP-SR760 -Asia	1		14.474		1				
	Bàn họp phòng nghiệp vụ (BP)	1		16.000		1				
	Máy lạnh Daikin 2,0 HP (BP)	1		12.000		1				
	Máy lạnh Daikin 2,0 HP (BP)	1		12.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		19.500		1				
	Tủ trung bày (BP)	1		10.000		1				
	Tủ trung bày (BP)	1		10.000		1				
	Bộ bàn phòng họp cơ quan ghế nệm HP(01 bàn, 10 ghế) (BP)	1		28.420		1				
	Máy lạnh Toshiba 2018	1		17.500		1				
	Máy lạnh Toshiba 2018	1		17.500		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Máy lạnh Toshiba 2018	1		17.500		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Máy lạnh Toshiba 2018	1		17.500		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		28.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Tủ hồ sơ gỗ gỗ đỏ (BP)	1		17.000		1				
	Máy lạnh Toshiba H13U2KSG-1.5HP	1		12.000	1.500	1				
	Máy lạnh Toshiba H13U2KSG-1.5HP	1		12.000	1.500	1				
	Máy lạnh Toshiba H13U2KSG-1.5HP	1		12.000	1.500	1				
	Máy lạnh Toshiba H13U2KSG-1.5HP	1		12.000	1.500	1				
	Máy scan Brother ADS-2200	1		10.011		1				
	Máy scan Brother ADS-2200	1		10.011		1				
	Máy scan Brother ADS-2200	1		10.011		1				
	Tivi Sony 4k 49 inch KD-49X7500FVN3	1		17.581		1				
	Tivi LCD Sony (BP)	1		14.100		1				
	Tivi LCD Sony (BP)	1		11.300		1				
	Tivi LCD Sony (BP)	1		11.300		1				
	Micrô cổ ngỗng (BP)	1		10.450		1				
	Máy scan HP 3000s4 (BP)	1		10.500		1				
	Bộ loa, âm ly Califolia CL-899K (BP)	1		29.810		1				
	Tivi LCD Sony (BP)	1		16.900		1				
	MÁY LẠNH TOSHIBA 1.5 HP RAS-H13U2KSG-V	1		12.167	3.042	1				
	MÁY LẠNH TOSHIBA 2 HP RAS-H18U2KSG-V	1		16.167	4.042	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	MÁY LẠNH TOSHIBA 1 HP RAS-H10U2KSG-V	1		10.167	2.542	1				
	MÁY LẠNH TOSHIBA 1 HP RAS-H10U2KSG-V	1		10.167	2.542	1				
	MÁY LẠNH TOSHIBA 1.5 HP RAS-H13U2KSG-V	1		12.167	3.042	1				
	Máy chiếu View Sonic PA503X (BP)	1		22.890		1				
	Máy lạnh Toshiba 1.5HP RAS-H13E2KCVG-V	1		16.264	6.099	1				
	Máy lạnh Toshiba 1.5HP RAS-H13E2KCVG-V	1		16.264	6.099	1				
	Máy lạnh Toshiba 1.5HP RAS-H13E2KCVG-V	1		16.264	6.099	1				
	Máy lạnh Toshiba 1.5HP RAS-H13E2KCVG-V	1		16.264	6.099	1				
	Máy lạnh Toshiba 1.5HP RAS-H13E2KCVG-V	1		16.264	6.099	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		16.664	8.332	1				
	Thiết bị chuyển mạch-2022	1		188.925	37.785	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		16.664	8.332	1				
	Thiết bị chuyển mạch-2022	1		13.750	2.750	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		16.664	8.332	1				
	Thiết bị lưu trữ dữ liệu QNAPTS-h1277XU-RP-3700-32G 12 bay qts hero nas; 6 × HDD western-2022	1		273.966	54.793	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		16.664	8.332	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		15.854	7.927	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		16.664	8.332	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		15.854	7.927	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		15.854	7.927	1				
	Thiết bị chuyển mạch HPE Aruba IOn 1930 24G4SFP+ Switch_JL682A/Mô đun quang HPE Aruba 1000BASE-SX SFP 850nm 550m Transceiver_J4858D-2022	1		13.255	2.651	1				
	VRV42-8110 : Tủ chứa máy chủ dòng V, 42U, 800mm x 1100mm, màu đen/VRP124-MCB32 :Thanh phân phối nguồn điện, 24 ổ cắm Universal, 32A, 250V, MCB/4xVRMH01-1F : Thanh quản lý cấp ngang, 1U, dạng răng lược, màu đen-2022	1		33.050	6.610	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP35VF_VN1-2022	1		15.854	7.927	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Thiết bị chuyển mạch HPE Aruba IOn 1930 24G4SFP+ Switch JL682A-2022	1		11.165	2.233	1				
	Máy lạnh Mitsubishi Electric Inverter 1.5 HP MSY-JP3SVF_VN1-2022	1		16.664	8.332	1				
	Thiết bị chuyển mạch HPE Aruba IOn 1930 48G-2022	1		23.914	4.783	1				
	Thiết bị chuyển mạch-2022	1		13.750	2.750	1				
	Thiết bị chuyển mạch-2022	1		13.750	2.750	1				
	Thiết bị chuyển mạch-2022	1		13.750	2.750	1				
	Máy bơm chữa cháy động cơ diesel-2022	1		195.950	97.975	1				
	Thiết bị chuyển mạch-2022	1		13.750	2.750	1				
	Thiết bị chuyển mạch-2022	1		13.750	2.750	1				
	Máy lạnh Toshiba RAS-H18C4ACVG-V -2023	1		17.941	11.213	1				
	Máy lạnh Toshiba RAS-H18C4ACVG-V -2023	1		17.941	11.213	1				
	Máy lạnh Toshiba RAS-H18C4ACVG-V -2023	1		17.941	11.213	1				
	Máy lạnh Toshiba RAS-H18C4ACVG-V -2023	1		17.941	11.213	1				
	Máy lạnh Toshiba RAS-H18C4ACVG-V -2023	1		17.941	11.213	1				
	Máy lạnh Toshiba 2HP	1		19.878	14.909	1				
	Máy lạnh Toshiba 2HP	1		19.878	14.909	1				
	Máy photocopy Canon iR-ADV DX 6855i -2024	1		92.860	55.716	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S4KCV2G-V -2024	1		12.150	9.113	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S4KCV2G-V -2024	1		12.150	9.113	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S4KCV2G-V -2024	1		12.150	9.113	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S4KCV2G-V -2024	1		12.150	9.113	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S4KCV2G-V -2024	1		12.150	9.113	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S4KCV2G-V -2024	1		12.150	9.113	1				
	Hệ thống camera giám sát 2024	1		42.121	25.273	1				
	Hệ thống xét xử trực tuyến (BP)	1		85.810	51.486	1				
	Máy lọc nước Karofi BCN KAB-L80 (BP)	1		14.154	8.492	1				
	Màn hình led hội trường KT: 2x3,5m	1		195.939	171.447	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 2HP RAS-H18S5KCV2G-V	1		17.300	15.138	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S5KCV2G-V	1		14.500	12.688	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S5KCV2G-V	1		14.500	12.688	1				
	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5 Hp RAS-H13S5KCV2G-V	1		13.628	11.925	1				
	Quầy văn thư (4 ghế cao)	1		50.000	40.000	1				
	Bảng LED P10 full Outdoor KT: 1m x 6,1m	1		66.501	58.188	1				
4.2.2	VKSND khu vực 1	40		1.213.936	386.290	40				
	Cửa phòng làm việc 1 cánh gỗ căm xe (Kích thước 1mx2m7)	1		13.888	12.152	1				
	Biển tên trụ sở cơ quan	1		16.262	14.230	1				
	Cửa phòng làm việc 2 cánh gỗ căm xe (Kích thước 1m6x2m7)	1		25.464	22.281	1				
	Chữ Inox Viện kiểm sát + Logo	1		12.200	10.675	1				
	LOA	1		11.728		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	LOA	1		11.728		1				
	Máy quay phim Sony 2009	1		15.868		1				
	MÁY CHỤP HÌNH SONY (DSC-W220); 2 THẺ NHỚ (MS- MT2G). 2 BAO ĐỰNG MÁY	1		11.766		1				
	Bàn, ghế, tủ quần áo nhà công vụ	1		10.945		1				
	Bàn phòng họp	1		29.700		1				
	Bàn, ghế, tủ quần áo nhà công vụ	1		10.945		1				
	Bàn phòng họp	1		29.700		1				
	Bàn, ghế, tủ quần áo nhà công vụ	1		10.945		1				
	Bàn, ghế, tủ quần áo nhà công vụ	1		10.945		1				
	Bàn phòng họp	1		29.700		1				
	Máy chiếu Panasonic LX271	1		38.939		1				
	Tivi Led 60inch LG	1		23.368		1				
	Máy phát điện Kawa 44KVA	1		290.000		1				
	Phủ hiệu treo trong hội trường	1		10.700		1				
	Phủ hiệu treo trụ sở	1		27.800		1				
	Máy lạnh Asanzo 2 HP	1		10.500	1.313	1				
	Máy lạnh Toshiba 2HP Inverter	1		19.500	4.875	1				
	Máy lạnh Panasonic 2HP CS-N18XKH-8/CU	1		19.740	9.870	1				
	Máy lạnh Panasonic 2HP CS-N18XKH-8/CU	1		19.500	9.750	1				
	Máy lạnh Panasonic 1.5 HP	1		13.846	6.923	1				
	Máy photocopy thông thường (Canon IR-ADVDX4751i)	1		90.737	19.849	1				
	Máy lạnh Panasonic 2 HP	1		19.896	12.435	1				
	Máy lạnh Panasonic 2 HP	1		21.500	13.445	1				
	Máy lạnh Panasonic 2 HP	1		21.537	13.445	1				
	Máy lạnh Panasonic 2 HP	1		21.500	13.445	1				
	Máy lạnh Panasonic 2HP	1		19.830	14.873	1				
	Máy photocopy Canon IR-ADV DX 6855i	1		92.860	55.716	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy Photocopy Canon IR-ADV 4551i	1		75.000	45.000	1				
	Máy lạnh Toshiba 1.5 HP Inverter	1		16.147	14.128	1				
	Máy lạnh Toshiba 1.5 HP Inverter	1		16.147	14.128	1				
	Máy lạnh Panasonic 2 HP	1		21.640	18.935	1				
	Máy Scan Brother ADS-4700W	1		16.487	13.189	1				
	Máy lạnh Panasonic 2 HP	1		22.005	19.254	1				
	Máy Scan Brother ADS-4700W	1		16.487	13.189	1				
	Máy Scan Brother ADS-4700W	1		16.487	13.189	1				
4.2.3	VKSND khu vực 2	101		2.650.275	436.451	101				
	điện chiếu sáng - 200l	1		32.278		1				
	Tivi Sony LCD	1		10.900		1				
	Tủ hồ sơ gỗ cam xe	1		12.000		1				
	Bộ loa + Am ly toa A 2120	1		29.437		1				
	Âm ly, loa Sony	1		29.437		1				
	Máy lạnh Panasonich 2HP	1		14.300		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Máy lạnh Panasonich 2HP	1		15.000		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Camera HDR-PJ675E	1		19.974		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Tivi, đầu đĩa Sony	1		14.474		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Bàn ghế hội trường	1		11.306		1				
	Máy Điều hoà 18000BTU	1		17.585	2.198	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	điện chiếu sáng - 2019	1		518.704	155.611	1				
	Máy Điều hoà 18000BTU	1		17.585	2.198	1				
	Máy Scan Brother ADS-2200	1		10.011		1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Tủ Tài liệu	1		10.000		1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Máy Điều hoà 18000BTU	1		17.585	2.198	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Máy Điều hoà 18000BTU	1		17.585	2.198	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Tủ Tài liệu	1		10.000		1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Tủ Tài liệu	1		10.000		1				
	Máy Điều hoà 12000BTU	1		10.864	1.358	1				
	Máy Điều hoà 12000BTU	1		10.864	1.358	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Máy bơm nước PCCC	1		27.299	3.412	1				
	Máy Điều hoà 18000BTU	1		17.585	2.198	1				
	Máy Điều hoà 12000BTU	1		10.864	1.358	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tủ Tài liệu	1		10.000		1				
	Máy bơm nước PCCC	1		27.299	3.412	1				
	Máy Điều hoà 18000BTU	1		17.585	2.198	1				
	Máy Scan Brother	1		10.011		1				
	Máy Điều hoà 24000BTU	1		25.942	3.243	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Tủ Tài liệu	1		10.000		1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Bàn ghế tiếp dân	1		19.000	2.375	1				
	Máy Điều hoà 12000BTU	1		10.864	1.358	1				
	Màn sáo cuốn Úc	1		123.310	15.414	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Máy bơm nước PCCC	1		27.299	3.412	1				
	Máy Điều hoà 18000BTU	1		17.585	2.198	1				
	Máy Điều hoà 24000BTU	1		25.942	3.243	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Thiết bị chống sét	1		30.528	3.816	1				
	Tủ Tài liệu	1		10.000		1				
	Máy Điều hoà 18000BTU	1		17.585	2.198	1				
	Máy Điều hoà 18000BTU	1		17.585	2.198	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Máy Điều hoà 12000BTU	1		10.864	1.358	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Máy Điều hoà 12000BTU	1		10.864	1.358	1				
	Hệ thống điện nhẹ (dây, mạng Wifi, tổng đài điện thoại)	1		111.234		1				
	Hệ thống PCCC, chống sét	1		330.453	99.136	1				
	Máy Điều hoà 12000BTU	1		10.864	1.358	1				
	Máy Điều hoà 12000BTU	1		10.864	1.358	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Thiết bị PCCC	1		17.153	2.144	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Máy bơm nước PCCC	1		27.299	3.412	1				
	Máy Điều hoà 18000BTU	1		17.585	2.198	1				
	Máy bơm nước PCCC	1		27.299	3.412	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Máy Điều hoà 18000BTU	1		17.585	2.198	1				
	Bàn ghế hội trường	1		12.200	1.525	1				
	Máy Điều hoà 24000BTU	1		25.942	3.243	1				
	Máy lạnh CASPER 2HPGC 18TL32	1		10.750	4.031	1				
	Máy photocopy Canon IR-ADV DX 4751i (T10/2022)	1		90.737	18.147	1				
	Máy photocopy Canon IR-ADV DX 4751i (T10/2022)	1		90.737	24.953	1				
	Máy lạnh Panasonic 1HP	1		10.065	6.291	1				
4.2.4	VKSND khu vực 3	58		3.713.893	2.379.959	58				
	Bộ ghế salon gỗ 02	1		10.000		1				
	Bàn ghế hội trường	1		90.490		1				
	Bàn họp 01	1		13.000		1				
	Bàn họp 02	1		13.000		1				
	Hệ Thống chống sét	1		22.669		1				
	Máy bơm PCCC	1		41.622		1				
	Máy Photocopy Canon IR2545W	1		101.024		1				
	Bàn họp D1100xW400xH800	1		14.300		1				
	Bàn họp D1100xW400xH800	1		39.690		1				
	Camera HDR - PJ675E	1		19.974		1				
	Tivi SONY, Đầu đọc đĩa DVP	1		14.474		1				
	Phù hiệu kiểm sát	1		38.500		1				
	Máy lạnh Toshiba	1		11.990	1.499	1				
	Máy lạnh Daikin	1		11.200	2.800	1				
	Máy lạnh Toshiba	1		20.800	5.200	1				
	Máy điều hòa không khí	1		14.900	1.863	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Hệ thống mạng nội bộ trụ sở	1		315.300	157.650	1				
	Máy Photocopy Canon iR ADV DX 6855i	1		91.363	36.545	1				
	Máy Photocopy Canon IR-ADV DX 6855i	1		91.363	36.545	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		16.500	12.375	1				
	Rèm vải khảm tiết, logo ngành mạ đồng D600mm	1		12.940	9.705	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2.5HP	1		27.500	20.625	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		16.500	12.375	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		16.500	12.375	1				
	Trung tâm báo cháy địa chỉ 2 loops	1		25.000	18.750	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		16.500	12.375	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		16.500	12.375	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		16.500	12.375	1				
	Tivi màn hình led 50"	1		25.000	15.000	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2.5HP	1		27.500	20.625	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		16.500	12.375	1				
	Tivi màn hình led 50"	1		25.000	15.000	1				
	Màn hình hiển thị, 65inch, 4K (Ultra HD)	1		16.500	9.900	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		16.500	12.375	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Đầu ghi hình KTS 64 kênh	1		30.000	18.000	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 2.5HP	1		27.500	20.625	1				
	Amply đánh giá công suất 2*800W	1		17.930	10.758	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 1.5HP	1		16.500	12.375	1				
	Nguồn lưu điện 2KVA UPS	1		25.000	21.875	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 1.5HP	1		16.500	12.375	1				
	Tổng đài điện thoại	1		40.000	24.000	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 2.5HP	1		27.500	20.625	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 1.5HP	1		16.500	12.375	1				
	Máy bơm Diesel công suất Q=81m3, H=60m	1		82.000	55.350	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 1.5HP	1		16.500	12.375	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 1.5HP	1		16.500	12.375	1				
	Máy bơm Diê công suất Q=81m3, H=60m	1		155.000	116.250	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 1.5HP	1		16.500	12.375	1				
	Mixer điều khiển âm thanh; tần số phản hồi 20Hz-20KHz=0.5dBB	1		12.100	7.260	1				
	Bàn họp gỗ công nghiệp KT: 4200x2200x760	1		17.500	13.125	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 2.5HP	1		27.500	20.625	1				



STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Khẩu hiệu ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM bằng chữ Inox mạ đồng cao 120mm dày 10mm + Khung thép hộp 30x30x1.4 ốp Alu, kích thước 4800x400x50	1		10.420	7.815	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		16.500	12.375	1				
	Hệ thống PCCC trụ sở Huyện uỷ	1		881.352	661.014	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2.5HP	1		27.500	20.625	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2.5HP	1		27.500	20.625	1				
	Máy bơm bù áp, Q=5m3/h, H= 70m	1		25.000	18.750	1				
	Hệ thống chống sét lan truyền, hệ thống âm thanh phòng họp A	1		897.492	785.306	1				
4.2.5	VKSND khu vực 4	43		2.264.280	455.269	43				
	Bàn ghế tiếp dân	1		32.020		1				
	Phông màn hội trường TN	1		14.870		1				
	Máy điều hòa Aikibi	1		10.395		1				
	Loa dùng cho hội trường	1		30.102		1				
	Máy chiếu Panasonic LX 271TN	1		38.939		1				
	Máy chiếu Panasonic	1		38.939		1				
	Camera Sony	1		19.838		1				
	Tivi LG	1		14.728		1				
	Máy điều hòa LG 2 HP	1		21.235	2.654	1				
	Máy điều hòa LG 1HP	1		10.873	1.359	1				
	Bàn ghế tiếp dân	1		60.000	3.000	1				
	Máy điều hòa 2 HP	1		21.235	2.654	1				
	Máy điều hòa LG 2 HP	1		21.235	2.654	1				
	Máy điều hòa LG 2 HP	1		21.235	2.654	1				
	Máy điều hòa LG 2HP	1		21.235	2.654	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy điều hòa LG 1 HP	1		10.873	1.359	1				
	Phông màn hội trường	1		16.800	840	1				
	Máy điều hòa LG 2 HP	1		21.235	2.654	1				
	Máy điều hòa LG 2 HP	1		21.235	2.654	1				
	Máy điều hòa LG 1 HP	1		10.873	1.359	1				
	Máy điều hòa LG 2 HP	1		21.235	2.654	1				
	Máy điều hòa LG 2 HP	1		21.235	2.654	1				
	Máy điều hòa LG 2 HP	1		21.235	2.654	1				
	Hệ thống chiếu sáng ngoài trời	1		847.246	169.449	1				
	Máy điều hòa LG 2 HP	1		21.235	2.654	1				
	Hệ thống phòng chống sét	1		256.694	51.339	1				
	Máy điều hòa LG 2 HP	1		21.235	2.654	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Toshiba RAS	1		23.722	12.501	1				
	Máy điều hòa LG 2 HP	1		21.235	2.654	1				
	Máy điều hòa LG 2 HP	1		21.235	2.654	1				
	Máy phát điện, hệ thống điện	1		108.731	0	1				
	Máy điều hòa LG 2 HP	1		21.235	2.654	1				
	Máy điều hòa LG 2 HP	1		21.235	2.654	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Toshiba RAS	1		23.722	12.501	1				
	Tủ hồ sơ cán bộ	1		49.000	8.575	1				
	Máy điều hòa LG 2 HP	1		21.235	2.654	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Toshiba	1		10.110	3.791	1				
	Máy photocopy Canon ImageRUNNER- ADVANCE DX-6855i- 2023	1		91.363	36.545	1				
	Máy photocopy Canon	1		91.363	36.545	1				
	Máy Scan Canon - P- 215 II	1		10.890	6.534	1				
	Máy lạnh LG V13WIN I	1		10.300	7.725	1				
	Máy in Canon IR1643i II	1		29.970	23.976	1				
	Máy quay phim Sony FDR AX43 PRO KIT	1		40.932	32.746	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4.2.6	VKSND khu vực 5	30		2.250.731	616.862	30				
	Hệ thống đèn chiếu sáng, PCCC và chống sét	1		134.791	33.698	1				
	Mạng wifi, tổng đài điện thoại	1		26.718	6.680	1				
	Thiết bị PCCC, báo cháy và chống sét	1		523.665	130.916	1				
	Hệ thống điện tổng thể	1		756.926	189.231	1				
	Bàn gỗ hội trường ovon	1		27.840		1				
	Bộ bàn gỗ tiếp khách	1		13.600		1				
	Máy chiếu panasonic	1		38.939		1				
	ti vi soni	1		14.727		1				
	Loa âm ly	1		24.374		1				
	Máy điều hoà không khí 2hp.1	1		18.420	9.210	1				
	Máy điều hoà không khí 2hp.4	1		18.420	9.210	1				
	Máy điều hoà không khí 2hp.14	1		18.420	9.210	1				
	Máy điều hoà không khí 2hp.10	1		18.420	9.210	1				
	Máy điều hoà không khí 2.5hp.2	1		19.966	9.983	1				
	Máy điều hoà không khí 2hp.3	1		18.420	9.210	1				
	Máy điều hoà không khí 2hp.6	1		18.420	9.210	1				
	Máy điều hoà không khí 2.5hp.1	1		19.966	9.983	1				
	Máy điều hoà không khí 2hp.12	1		18.420	9.210	1				
	Máy điều hoà không khí 2hp.13	1		18.420	9.210	1				
	Máy điều hoà không khí 1.5 hp.1	1		12.237	3.059	1				
	Máy điều hoà không khí 2hp.9	1		18.420	9.210	1				
	Máy điều hoà không khí 2hp.11	1		18.420	9.210	1				
	Máy điều hoà không khí 2hp.8	1		18.420	9.210	1				
	Máy điều hoà không khí 2hp.7	1		18.420	9.210	1				
	Máy điều hoà không khí 2hp.2	1		18.420	9.210	1				
	Máy phát điện dự phòng	1		328.479	82.120	1				
	Máy điều hoà không khí 2.5hp.3	1		19.966	9.983	1				
	Máy điều hoà không khí 1.5 hp.2	1		12.237	3.059	1				
	Máy điều hoà không khí 2hp.15	1		18.420	9.210	1				
	Máy điều hoà không khí 2hp.5	1		18.420	9.210	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4.2.7	VKSND khu vực 6	41		1.217.107	789.577	41				
	Loa, âm ly 2010	1		30.102		1				
	Máy Camera Sony 2017	1		19.974		1				
	Máy lạnh gắn tường Panasonic 2019 P Lưu trú	1		12.000	1.500	1				
	Máy photo IR 6855i 2023	1		91.363	36.545	1				
	Màn hình Led hội trường 2023	1		98.000	61.250	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2.5HP (4) C Tâm	1		15.714	11.786	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP (9) phòng l/v lầu 3.2	1		17.679	13.259	1				
	Máy bơm bù áp, Q = 5m3/h, H= 70m (01 bộ)	1		25.000	18.750	1				
	Trung tâm báo cháy địa chỉ 2 loops (01 bộ)	1		25.000	18.750	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2.5HP (1) Huệ	1		15.714	11.786	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2.5HP (8) Nhà ăn	1		15.714	11.786	1				
	Khâu hiệu ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG QUANG VINH MUÔN NĂM bằng chữ Inox mạ đồng cao 120mm dày 10mm + Khung thép hộp 30x30x1.4mm ốp Alu, kích thước 4800x400x50 (01 bộ)	1		10.420	7.815	1				
	Máy lạnh đứng 2.5HP (2) HT lớn	1		35.659	26.744	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP (4) Dung	1		17.679	13.259	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP (8) phòng L/v lầu 3.1	1		17.679	13.259	1				
	Máy photo IR 4451i 2024	1		75.000	45.000	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy lạnh gắn tường inventer 2.5HP (7) phòng sách BH	1		15.714	11.786	1				
	Đầu ghi hình KTS 64 kênh (01 bộ)	1		30.000	18.000	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2.5HP (3) Q Hùng	1		15.714	11.786	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP (10) Quỳnh	1		17.679	13.259	1				
	Mixer điều khiển âm thanh; Tần số phản hồi 20Hz-20KHz; $\pm 0.5\text{dB}$ (01 bộ)	1		12.100	9.075	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP (6) Thuý	1		17.679	13.259	1				
	Tivi màn hình led 50" (1 bộ) HT lớn	1		25.000	15.000	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP (2) p L/v lầu 1	1		17.679	13.259	1				
	Amply đánh giá công suất: 2*800W (01 cái)	1		17.930	13.448	1				
	Tivi màn hình led 50" (01 bộ) P bảo vệ	1		25.000	15.000	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP (5) Bình	1		17.679	13.259	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2.5HP (5) HT nhỏ	1		15.714	11.786	1				
	Máy bơm điện công suất Q = 8l m3/h, H= 60m (1 bộ)	1		82.000	61.500	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP (7) Văn	1		17.679	13.259	1				
	Màn hình hiển thị, 65 inch, 4K (Ultra HD) (01 cái) HT nhỏ	1		16.500	9.900	1				
	Rèm vải khảm tiết, logo ngành mạ đồng D600mm (01 bộ)	1		12.940	9.705	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Laptop kết nối trực tuyến; Bộ nhớ DIMM: 8GB (1 cái) HT lớn	1		14.960	8.976	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP (3) Lý	1		17.679	13.259	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP (1) Tuyển	1		17.679	13.259	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2.5HP (2) Đức	1		15.714	11.786	1				
	Nguồn lưu điện 2KVA UPS	1		25.000	18.750	1				
	Tổng đài điện thoại (1 bộ) phòng L/v lầu 1	1		40.000	24.000	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2.5HP (6) A Huy	1		15.714	11.786	1				
	Máy lạnh đúng 2.5HP (1)	1		35.659	26.744	1				
	Máy bơm Diesel công suất Q = 81 m3/h, H= 60m (01 bộ)	1		155.000	116.250	1				
4.2.8	VKSND khu vực 7	45		1.248.867	831.521	45				
	Máy chiếu Panasonic LX271-EA (Máy chiếu, màn chiếu điện Datelite 120inch+ Remote)	1		38.939		1				
	Máy photocopy Canon IR 2635i	1		74.965	29.986	1				
	Máy photocopy Canon IR-ADV DX 6855i	1		91.363	36.545	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Tivi màn hình led 50	1		13.665	8.199	1				
	Máy bơm Disesel công suất Q=81 m3/h, H=60m	1		131.182	98.386	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Amply đánh giá công suất: 2*800W	1		17.930	10.758	1				
	Máy bơm điện công suất Q=81m3/h, H=60m	1		76.523	57.392	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Màn hình hiển thị, 65 inch, 4K (Ultra HD)	1		16.500	9.900	1				
	Rèm vải khảm tiết, logo ngành mạ đồng	1		12.940	9.705	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2,5HP	1		38.261	28.696	1				
	Laptop kết nối trực tuyến; Bộ nhớ DIMM: 8GB; Dung lượng dự trữ: 512GB	1		14.960	8.976	1				
	Trung tâm báo cháy địa chỉ 2 loops	1		29.844	22.383	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Mixer điều khiển âm thanh; Tần số phản hồi 20Hz-20KHz; +- 0,5dB	1		12.100	7.260	1				
	Tủ điều khiển máy bơm 3P - 100A	1		25.580	19.185	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Tổng đài điện thoại	1		16.398	9.839	1				
	Khẩu hiệu ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG QUANG VINH MUÔN NĂM bằng Inox mạ đồng + khung thép	1		10.420	7.815	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2,5HP	1		38.261	28.696	1				
	Đầu ghi hình KTS 64 kênh	1		32.795	19.677	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1,5HP	1		19.083	14.313	1				
	Máy bơm bù áp, Q=5m3/h, H=70m	1		10.932	8.199	1				
	Nguồn lưu điện 2KVA UPS	1		23.503	17.628	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2,5HP	1		38.261	28.696	1				
	Tivi màn hình led 50	1		13.665	8.199	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy lạnh gắn tường inverter 2,5HP	1		38.261	28.696	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 2,5HP	1		38.261	28.696	1				
	Máy quét HP ScanJet Pro 3000S4	1		11.400	9.120	1				
	Bảng tên đơn vị	1		19.373	16.951	1				
4.2.9	VKSND khu vực 8	46		1.225.428	831.251	46				
	Bộ salon gỗ chạm	1		13.900		1				
	Máy Scan brother ADS- 2200	1		10.011		1				
	Máy photocopy Toshiba E557	1		50.000		1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 2.5HP	1		38.261	28.696	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 2.5HP	1		38.261	28.696	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 2.5HP	1		38.261	28.696	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inverter 1.5HP	1		18.381	13.785	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2.5HP	1		38.261	28.696	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy photocopy Canon IR ADV DX 6855i	1		92.860	55.716	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2.5HP	1		38.261	28.696	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 2.5HP	1		38.261	28.696	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Máy lạnh gắn tường inventer 1.5HP	1		18.381	13.785	1				
	Đầu ghi hình KTS 64 kênh	1		32.795	19.677	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Trung tâm báo cháy địa chỉ 2 loops	1		29.844	22.383	1				
	Ti vi màn hình Led 50"	1		13.665	8.199	1				
	Máy bơm bù áp, Q=5m3/h, H=70m	1		10.932	8.199	1				
	Nguồn lưu điện 2KVA UPS	1		23.503	17.628	1				
	Rèm vải khảm tiết, logo ngành mạ đồng	1		12.940	9.705	1				
	Màn hình hiển thị, 65inch, 4K	1		16.500	9.900	1				
	Tủ điều khiển máy bơm 3P-100A	1		25.580	19.185	1				
	Bàn họp gỗ công nghiệp	1		17.500	13.125	1				
	Amplify đánh giá công suất	1		17.930	10.758	1				
	Khẩu hiệu ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM	1		10.420	7.815	1				
	Ti vi màn hình Led 50"	1		13.665	8.199	1				
	Máy bơm điện công suất Q=81m3/h, H=60m	1		76.523	57.392	1				
	Máy bơm Diesel công suất Q=81m3/h, H=60m	1		131.182	98.386	1				
	Mixer điều khiển âm thanh; Tần số phản hồi	1		12.100	7.260	1				
	Tổng đài điện thoại	1		16.398	9.839	1				
4.2.10	VKSND khu vực 9	40		1.455.706	120.971	40				
	Bàn gỗ hạt xoài phòng họp	1		16.000		1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Mitsubishi	1		10.000		1				
	Bàn gỗ hạt xoài phòng họp	1		10.000		1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Mitshubishi	1		10.000		1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Daikin	1		10.000		1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Daikin	1		10.000		1				
	Máy phát điện MF115S+EV2600NB 15KVA	1		49.950		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy điều hòa nhiệt độ Mitsubishi	1		10.000		1				
	Tivi samsung 21R	1		13.400		1				
	Máy chiếu NEC	1		30.000		1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Mitsubishi	1		10.000		1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Mitsubishi	1		10.000		1				
	Bộ bàn Sofa tiếp khách	1		24.000		1				
	Trạm biến áp	1		275.115		1				
	Máy phát điện GF3-30KVA Samdi	1		303.000		1				
	Tủ đựng hồ sơ lưu trữ	1		18.000		1				
	Tủ đựng hồ sơ lưu trữ	1		18.000		1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Mitsubishi	1		10.500		1				
	Tủ đựng hồ sơ lưu trữ	1		18.000		1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Mitsubishi	1		10.500		1				
	Bàn gỗ phòng họp	1		10.000		1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Mitsubishi	1		12.000		1				
	Tivi đầu đĩa KLD-LAB350	1		14.982		1				
	Máy quay phim Sony	1		18.150		1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Mitsubishi	1		11.740		1				
	Dàn loa âm thanh hội trường	1		11.661		1				
	Pano Đảng cộng sản, Logo ngành kiểm sát	1		11.000		1				
	Dàn loa âm tường hội trường	1		21.000		1				
	Máy lạnh âm tường Mitshubishi	1		160.087		1				
	Máy photocopy thường Canon DX47511	1		90.000	18.000	1				
	Máy photocopy Canon DX 47511	1		90.000	18.000	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Mitsubishi	1		14.550	9.094	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Mitsubishi	1		14.550	6.911	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP casper	1		16.537	10.336	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP casper	1		16.537	10.336	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy điều hòa không khí 2HP casper	1		16.537	10.336	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP casper	1		16.537	10.336	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP casper	1		16.537	10.336	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP casper	1		16.537	10.336	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Mitshubishi	1		10.300	6.953	1				
4.2.11	VKSND khu vực 10	27		829.930	110.553	27				
	Máy photocopy Canon	1		50.000		1				
	Bộ salon phòng khách	1		98.650		1				
	Bộ salon tiếp khách phòng lãnh đạo	1		55.000		1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic	1		15.000		1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Aqua	1		15.000		1				
	Bàn phòng họp giải quyết án	1		17.600	2.200	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Midea	1		13.000	1.625	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Midea	1		13.000	1.625	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Midea	1		13.000	1.625	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Midea	1		13.000	1.625	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Midea phòng hội trường	1		18.000	2.250	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Midea	1		13.000	1.625	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Midea	1		13.000	1.625	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Midea phòng hội trường	1		18.000	2.250	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Midea	1		13.000	1.625	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Midea	1		13.000	1.625	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Midea	1		13.000	1.625	1				
	Tivi sony	1		17.600		1				
	Bộ bàn ghế tiếp khách gỗ	1		85.800	10.725	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy điều hòa nhiệt độ Midea	1		13.000	1.625	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Midea	1		18.000	1.050	1				
	Tivi Samsung phòng họp	1		26.900	0	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Midea phòng khách	1		18.000	2.250	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ Midea phòng hội trường	1		18.000	2.250	1				
	Máy photo copy thường canon	1		90.000	18.000	1				
	Máy photocopy Ricoh MI 5000	1		88.880	53.328	1				
	Máy phát điện	1		49.500		1				
4.2.12	VKSND khu vực 11	57		3.409.298	1.455.015	57				
	Bộ Tivi Sony DVD DVP-NS648PBMSP6	1		10.600		1				
	Bộ bàn ghế họp	1		103.610		1				
	Máy điều hòa media 1.5 HP	1		13.000	1.625	1				
	Máy điều hòa media 1.5 HP	1		13.000	1.625	1				
	Máy điều hòa media 1.5 HP	1		13.000	3.250	1				
	Máy điều hòa media 1.5 HP	1		13.000	3.250	1				
	Máy điều hòa media 1.5 HP	1		13.000	3.250	1				
	Máy điều hòa media 1.5 HP	1		13.000	3.250	1				
	Máy điều hòa media 1.5 HP	1		13.000	3.250	1				
	Máy điều hòa media 1 HP (phòng họp)	1		10.650	2.663	1				
	Máy điều hòa media 2.0 HP	1		18.000	4.500	1				
	Bộ sa lông gỗ đỏ	1		95.000	23.750	1				
	Máy điều hòa media 1 HP	1		10.650	2.663	1				
	Máy điều hòa media 2.0 HP	1		18.000	4.500	1				
	Máy điều hòa media 1 HP (phòng họp)	1		10.650	2.663	1				
	Máy điều hòa media 2.0 HP	1		18.000	4.500	1				
	Máy điều hòa media 1.5 HP	1		13.000	3.250	1				
	Máy điều hòa media 1.5 HP	1		13.000	3.250	1				
	Máy điều hòa media 1.5 HP	1		13.000	3.250	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy điều hòa media 1.5 HP	1		13.000	3.250	1				
	Máy điều hòa media 1.5 HP	1		13.000	3.250	1				
	Hệ thống cấp điện ngoài nhà	1		224.724	84.272	1				
	Máy điều hòa media 1.5 HP	1		13.000	3.250	1				
	Hệ thống PCCC	1		492.583	123.146	1				
	Máy photo canon DX47511	1		90.000	18.000	1				
	Máy bơm chữa cháy động cơ điện (động cơ điện PCCC 3 pha)	1		40.266	25.167	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP	1		16.537	10.336	1				
	Bộ salon phòng khách	1		60.675	37.922	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP	1		16.537	10.336	1				
	Hệ thống cấp thoát nước ngoài nhà	1		336.887	160.021	1				
	Hệ thống cấp điện ngoài nhà	1		187.386	89.008	1				
	Máy điều hòa không khí 2,5HP	1		19.747	12.342	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP	1		16.537	10.336	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP	1		16.537	10.336	1				
	Đầu ghi KBVISION KX-DA148416EN3	1		24.720	9.888	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP	1		16.537	10.336	1				
	Màn hình hệ thống Camera giám sát Samsung UA	1		21.012	8.405	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP	1		16.537	10.336	1				
	Camera truyền hình trực tuyến Logitech PTZ Pro2	1		27.130	10.852	1				
	Loa, âm lý hệ thống truyền hình trực tuyến tasbar OBT TK-10	1		44.495	17.798	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP	1		16.537	10.336	1				
	Camera an ninh	1		15.580	3.116	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP	1		16.537	10.336	1				
	Micro hệ thống truyền hình trực tuyến Takstar X4	1		22.248	8.899	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Hệ thống phòng cháy chữa cháy, bể nước chữa cháy	1		505.691	240.203	1				
	Máy bơm chữa cháy động cơ Diesel (động cơ Diesel 40HP/1450 vòng/phút)	1		93.771	58.607	1				
	Màn Hình hệ thống trực tuyến samsung UA55AU8100	1		21.012	8.405	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP	1		16.537	10.336	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP	1		16.537	10.336	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP	1		16.537	10.336	1				
	Máy điều hòa không khí 2HP	1		16.537	10.336	1				
	Hệ thống thông tin liên lạc, camera	1		20.516	8.206	1				
	Máy phát điện dự phòng	1		334.389	208.993	1				
	Máy điều hòa không khí 2,5HP	1		19.747	12.342	1				
	Máy điều hòa không khí 2,5HP	1		19.747	12.342	1				
	Máy photo Ricon IM5000	1		88.880	53.328	1				
	Tivi Neo QLED Samsung QA85QN70FAKXXV	1		35.490	35.490	1				
4.2.13	VKSND khu vực 12	31		645.690	87.360	31				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 2 HP	1		14.790	1.849	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 2 HP	1		14.790	1.849	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 2 HP	1		14.790	1.849	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy photo copy Toshiba 450	1		100.000		1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy photo copy Ricol	1		88.000	35.200	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 2 HP	1		14.790	1.849	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 2 HP	1		14.790	1.849	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Bộ bàn ghế gỗ hội trường	1		25.900	0	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP	1		12.970	1.621	1				
	Máy chiếu NEC	1		36.500	0	1				
	Máy điều hòa nhiệt độ LG-2HP	1		11.990	10.491	1				
	Máy phát điện EV2600	1		49.950		1				
4.2.14	VKSND khu vực 13	38		992.262	56.328	38				
	Bàn họp cơ quan	1	1,0	12.000		1				
	Máy phát điện MF1150S+EV2600NB 15KVA	1		49.950		1				
	Tivi sony phòng họp	1		10.600		1				
	Máy photo canon IR-ADV 2545W	1		100.000		1				
	Bàn ghế họp	1		10.361		1				
	Bộ bàn oval phòng họp	1		41.800		1				
	Bộ salong phòng khách	1		165.000		1				
	Bộ salong phòng khách	1		98.650		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy điều hòa 2,0 HP	1		14.447		1				
	Máy Scan HP	1		14.960		1				
	Bàn Salong tiếp khách	1		10.000	3.000	1				
	Máy photocopy Ricoh	1		88.880	53.328	1				
4.2.15	VKSND khu vực 14	6		184.330	62.591	6				
	Bàn ghế hội trường	1		35.000		1				
	Tivi samsung	1		11.990		1				
	Máy Scan	1		14.960		1				
	Tivi samsung	1		14.000		1				
	Máy điều hòa Samsung	1		19.500	9.263	1				
	Máy photo Ricoh	1		88.880	53.328	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	285		13.691.662	5.048.240	285				
4.3.1	Văn phòng	87		5.100.070	1.788.804	87				
	Tủ hồ sơ lưu trữ (đề án)-2014	1		53.400	-	1				
	Tủ hồ sơ lưu trữ (đề án)-2014	1		53.400		1				
	Tủ hồ sơ lưu trữ (đề án)-2014	1		53.400		1				
	Tủ hồ sơ tay đẩy Hòa phát đề án - 2014 (BP)	1		53.400		1				
	Tủ hồ sơ tay đẩy Hòa phát đề án - 2014 (BP)	1		53.400		1				
	Tủ hồ sơ tay đẩy Hòa phát đề án - 2014 (BP)	1		53.400		1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 5480, CTO - Malaysia	1		29.645		1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 5480, CTO - Malaysia	1		29.645		1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 5480, CTO - Malaysia	1		29.645		1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 5480, CTO - Malaysia	1		29.645		1				
	Tủ hồ sơ lưu trữ	1		55.124		1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 5480, CTO - Malaysia	1		29.645		1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 5480, CTO - Malaysia	1		29.645		1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 5480, CTO - Malaysia	1		29.645		1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 5480, CTO - Malaysia	1		29.645		1				
	Thiết bị ghi hình Logitech Conference PTZ Pro 2	1		18.383		1				
	Máy scan A3 Fujitsu FI-7480 (BP)	1		88.000	17.600	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy photocopy siêu tốc Canon IR-ADV DX6780i (BP)	1		250.000	50.000	1				
	Thiết bị số hóa Kodak S3060-2022	1		214.328	42.866	1				
	Thiết bị tường lửa Sophos:Sophos XGS 2300 Security Appliance - EU/UK power cord-2022	1		91.190	18.238	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5411 (BP)	1		34.850	6.970	1				
	Máy chiếu đa năng NEC NP-ME423WG-2022	1		32.054	6.411	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5411 (BP)	1		34.850	6.970	1				
	Máy Chủ HPE DL360 Gen10 8SFF NC CTO: Intel Xeon-S 4210R FIO Kit,2x32GB Ram,2x960GB SSD, Smart Storage Battery, HPE Smart Array P408i-a SR,HPE 1Gb 4-port 366FLR Ada-2022	1		199.892	39.978	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5411 (BP)	1		34.850	6.970	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5411 (BP)	1		34.850	6.970	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu PC Lifebook E5411-2022	1		35.049	7.010	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5411 (BP)	1		34.850	6.970	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu PC Lifebook E5411-2022	1		35.049	7.010	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5411 (BP)	1		34.850	6.970	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính xách tay Fujitsu PC Lifebook E5411-2022	1		35.049	7.010	1				
	Máy photocopy Canon iRADV-ADV DX 6780i -2022	1		250.677	68.936	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu PC Lifebook E5411-2022	1		35.049	7.010	1				
	Máy quay GoPro Hero 10 Black-2022	1		17.054	5.969	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu PC Lifebook E5411-2022	1		35.049	7.010	1				
	Máy Scan quét tài liệu A3 Fujitsu fi-7480 -2022	1		89.307	17.861	1				
	Máy Scan quét tài liệu A3 Fujitsu fi-7480 -2022	1		89.307	17.861	1				
	Máy Scan quét tài liệu A3 Fujitsu fi-7480 -2022	1		89.307	17.861	1				
	Máy scan A3 Fujitsu FI-7480 (BP)	1		88.000	17.600	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy photocopy siêu tốc Ricoh IM8000 (BP)	1		246.400	98.560	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy Chủ HPE ProLiant ML30 Gen 10 Plus 4LFF Non Hot Plug -2023	1		97.603	39.041	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy in màu (chuyên dùng) Fujifilm ApeosPort C3830SD -2023	1		27.500	11.000	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy photocopy Canon iR-ADV DX 8905 -2023	1		253.762	101.505	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5412 (BP)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu Model: Lifebook E5412 -2023	1		35.148	14.059	1				
	Thiết bị ghi âm, ghi hình, hỏi cung bị can (BP)	1		83.732	50.239	1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 3440 -2024	1		29.920	17.952	1				
	Máy tính xách tay Dell G15 5530 - 2025	1		34.990	27.992	1				
	Máy photocopy Canon iR-ADV DX 8986 -2025	1		249.912	199.930	1				
	Máy photocopy Canon iR-ADV DX 8986 -2025	1		249.912	199.930	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				
4.3.2	VKSND khu vực I	18		710.213	267.873	18				
	Tủ HSDĐ đầy tay	1		53.400		1				
	Máy vi tính xách tay HP	1		27.728		1				
	Máy vi tính xách tay HP	1		27.728		1				
	Máy vi tính xách tay chuyên dùng Fujitsu	1		35.049	7.010	1				
	Tủ tài liệu Lưu trữ TheOne	1		59.934	23.974	1				
	Máy Scan Ricoh Fi7480	1		89.241	35.696	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu Lifebook	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu Lifebook	1		35.148	14.059	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy vi tính xách tay Fujitsu Lifebook	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu Lifebook	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu Lifebook	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu Lifebook	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu Lifebook	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu Lifebook	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu Lifebook	1		35.148	14.059	1				
	Bộ máy vi tính hoặc thiết bị tương đương - Hệ thống ghi âm ghi hình có âm thanh cơ động (Dell Latitude 3450)	1		29.898	17.939	1				
	Máy quay Canon FDX-AX430A PROKIT	1		40.932	32.746	1				
	Máy in Canon IR1643i II	1		29.970	23.976	1				
4.3.3	VKSND khu vực 2	19		805.912	242.254	19				
	Tủ lưu trữ thép Hòa Phát	1		53.400		1				
	Tủ Hồ sơ lưu trữ	1		53.400		1				
	Máy photocopy Canon 2545W	1		101.024		1				
	Máy Photocopy Canon IR 2545W	1		101.024		1				
	Máy laptop Fujitsu Lifebook E5411 Notebook (Dừng)	1		35.049	7.010	1				
	Máy tính xách tay 2022	1		35.049	7.010	1				
	Máy quay gopro 9 black	1		13.895	3.821	1				
	Máy tính xách tay 2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay 2023	1		35.148	14.059	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy Scan chuyên dùng RICOH FI 7480	1		89.241	35.696	1				
	Máy tính xách tay Lifebook E5412	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay FUJITSU	1		35.148	14.059	1				
	Bộ máy tính xách tay hoặc thiết bị tương đương-Hệ thống ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh cơ động	1		29.898	17.939	1				
	Máy tính xách tay chuyên dùng Dell	1		29.898	17.939	1				
	Máy tính Laptop Dell	1		20.000	16.000	1				
	Máy quay FDR-AXA PRO KIT	1		40.932	35.816	1				
	Máy in đa năng Canon IRI643iII	1		29.970	23.976	1				
4.3.5	VKSND khu vực 4	12		464.949	139.098	12				
	Tủ hồ sơ lưu trữ	1		53.400		1				
	Tủ hồ sơ lưu trữ	1		53.400		1				
	Máy tính xách tay HP	1		27.728		1				
	Máy vi tính xách tay chuyên dùng Fujitsu (1417/TB-VKS)	1		35.049	7.010	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu	1		35.049	7.010	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu	1		35.148	14.059	1				
	Tủ hồ sơ lưu trữ	1		59.934	32.964	1				
	Bộ máy tính xách tay model Lifebook 2023	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu	1		35.148	14.059	1				
	Bộ máy tính xách tay Fujitsu	1		35.148	14.059	1				
	Máy tính xách tay Dell Latitude 3450	1		29.898	17.939	1				
	Máy tính thiết bị hệ thống ghi âm Latitude 3450 XCTO Dell	1		29.898	17.939	1				
4.3.6	VKSND khu vực 5	10		511.866	182.294	10				
	Tủ hồ sơ lưu trữ	1		53.400		1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy photo Canon IR	1		101.024		1				
	Máy tính xách tay Lifebook	1		35.049	7.010	1				
	Máy tính xách tay Lifebook	1		35.148	14.059	1				
	Tủ tài liệu di động	1		59.934	35.960	1				
	Máy tính xách tay Lifebook	1		35.148	14.059	1				
	máy photo canon IR 6855i năm 2023	1		91.363	36.545	1				
	Máy tính xách tay Latitude 3450.XCTO	1		29.898	17.939	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II-2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy quay FDR-AX43APROKIT	1		40.932	32.746	1				
4.3.7	VKSND khu vực 6	11		473.513	186.588	11				
	Tủ đựng tài liệu di động 2014	1		53.400		1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 5480 (2017) Tuyền-máy BMNN	1		29.645		1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu E5411 2022 (C Tâm)	1		35.049	7.010	1				
	Tủ đựng tài liệu di động 2023	1		59.934	23.974	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu 2023 (3) Quỳnh	1		35.148	14.059	1				
	Máy quét tài liệu Scan A3 Rich fi 7480 2023	1		89.241	35.696	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu 2023 (2) A Hùng	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu 2023 (1) Tuyền	1		35.148	14.059	1				
	Bộ máy tính- hệ thống ghi âm, ghi hình có âm thanh cơ động	1		29.898	17.939	1				
	Máy quay phim Sony FDR-AX43A PRO KIT -2025 (VP)	1		40.932	35.816	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II - 2025	1		29.970	23.976	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4.3.8	VKSND khu vực 7	7		319.637	77.043	7				
	Tủ hồ sơ lưu trữ	1		53.400		1				
	Máy photocopy Canon IR 2545W	1		101.024		1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu Lifebook E5411 Notebook	1		35.049	7.010	1				
	Máy vi tính xách tay Lifebook E5412	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Lifebook E5412	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 3450. XCTO	1		29.898	17.939	1				
	Máy in đa năng Canon iR1643i II	1		29.970	23.976	1				
4.3.9	VKSND khu vực 8	9		367.668	148.555	9				
	Tủ hồ sơ lưu trữ	1		53.400		1				
	Máy vi tính để bàn Dell OptiPlex 7020 SFF	1		18.882		1				
	Máy vi tính xách tay chuyên dùng Fujitsu	1		35.049	7.010	1				
	Máy Scan A3 Ricoh fi-7480	1		89.241	35.696	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Fujitsu	1		35.148	14.059	1				
	Máy vi tính xách tay Dell Latitude 3440	1		29.898	17.939	1				
	Máy in đa năng Canon IR1643i II	1		29.970	23.976	1				
	Máy quay FDR-AX43A PRO KIT	1		40.932	35.816	1				
4.3.10	VKSND khu vực 9	16		782.276	331.000	16				
	Tủ hồ sơ lưu trữ tay đẩy	1		53.400		1				
	Máy vi tính xách tay HP	1		29.986		1				
	Máy vi tính xách tay HP	1		27.200		1				
	Máy vi tính xách tay FUJITSU	1		34.850	6.970	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu	1		34.850	6.970	1				
	Máy Scan siêu tốc Avsion AD/6090	1		88.000	35.200	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy Scan siêu tốc Avison	1		88.000	35.200	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu	1		34.430	13.772	1				
	Máy vi tính xách tay fujitsu	1		34.430	13.772	1				
	Tủ hồ sơ lưu trữ tay đẩy	1		54.400	34.000	1				
	Máy vi tính xách tay fujitsu	1		34.430	13.772	1				
	Thiết bị ghi âm, ghi hình có âm thanh cơ động	1		81.484	48.890	1				
	Thiết bị ghi âm, ghi hình, hồi cung bị can	1		81.484	48.890	1				
	Máy quay Sony FDR -AX43	1		40.932	35.816	1				
	Máy in mạng chuyên dùng Canon	1		29.970	23.976	1				
4.3.11	VKSND khu vực 10	21		1.048.070	457.582	21				
	Tủ hồ sơ lưu trữ đẩy tay	1		53.400		1				
	Tủ hồ sơ tay đẩy	1		53.400		1				
	Máy tính xách tay chuyên dùng HP	1		29.986		1				
	Máy tính xách tay Fujistu (TQ)	1		34.850	6.970	1				
	Máy tính xách tay chuyên dùng hiệu EI FUFITSU	1		34.850	6.970	1				
	Máy tính Xách tay FUJITSU	1		34.850	6.970	1				
	Máy scan siêu tốc Avsion AD/6090	1		88.000	35.200	1				
	Máy tính xách tay FUJITSU	1		34.430	13.772	1				
	Tủ hồ sơ tay đẩy	1		54.400	34.000	1				
	Máy Scan Avison 6090	1		88.000	35.200	1				
	Máy xách tay fujistu (Nhật)	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay chuyên dùng FUFISU E5412	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujistu (Nhật)	1		34.430	13.722	1				
	Máy tính xách tay chuyên dùng FUFITSU E5412	1		34.430	13.772	1				
	Tủ hồ sơ tay đẩy	1		54.400	34.000	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy tính Xách tay FUJITSU	1		34.430	13.772	1				
	Thiết bị ghi âm, ghi hình, hồi cung bị can	1		81.484	48.890	1				
	Thiết bị ghi âm, ghi hình, hồi cung bị can	1		81.484	65.187	1				
	Thiết bị ghi âm, ghi hình, hồi cung bị can	1		81.484	44.890	1				
	Máy quay phim Sony FDR-A X 43A PRO KIT-2025	1		40.932	32.746	1				
	Máy in đa năng Canon IR1643i II-2025	1		29.970	23.976	1				
4.3.12	VKSND khu vực I1	17		789.653	363.043	17				
	Tủ lưu trữ hồ sơ có tay đẩy	1		53.400		1				
	Máy photocopy Canon IR-ADV 2545W	1		100.000		1				
	Máy quay HDR-PJ675E (TQ)	1		20.040		1				
	Máy vi tính xách tay chuyên dùng	1		34.850	6.970	1				
	Máy tính xách tay FUJITSU E5412	1		34.850	6.970	1				
	Máy vi tính xách tay chuyên dùng Fujitsu E5412 (Nhật Bản)	1		34.430	13.772	1				
	Tủ hồ sơ lưu trữ tay đẩy (Việt Nam/ Hòa phát)	1		54.400	34.000	1				
	Máy tính xách tay chuyên dùng FUJITSU E5412 (Nhật)	1		34.430	13.772	1				
	Tủ lưu trữ hồ sơ có tay đẩy	1		31.515	14.970	1				
	Tủ hồ sơ lưu trữ tay đẩy (Việt Nam/ Hòa phát)	1		54.400	34.000	1				
	Máy tính bộ chạy HN truyền hình trực tuyến	1		34.607	13.843	1				
	Máy vi tính xách tay chuyên dùng Fujitsu E5412 (Nhật Bản)	1		34.430	13.772	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy tính xách tay chuyên dùng FUJITSU E5412 (Nhật)	1		34.430	13.772	1				
	Thiết bị ghi âm, ghi hình, hồi cung bị can (Máy tính xách tay, Camera, Micrô thu âm, Vali đựng thiết bị, Vật tư phụ kiện lắp đặt, kết nối)	1		81.484	55.002	1				
	Máy in đa năng Canon IR1643i II	1		29.970	29.970	1				
	Máy quay phim Sony FDR-AX43A PRO KIT -2025	1		40.932	40.932	1				
	Thiết bị ghi âm, ghi hình hồi cung bị can	1		81.484	71.299	1				
4.3.13	VKSND khu vực 12	8		410.964	176.580	8				
	Máy tính xách tay Fujistu 541	1		34.850	6.970	1				
	Máy tính xách tay Fujistu	1		34.430	13.772	1				
	Tủ hồ sơ tay đẩy	1		53.400	0	1				
	Tủ hồ sơ tay đẩy	1		54.400	34.000	1				
	Máy tính xách tay Fujistu 541	1		34.430	13.772	1				
	Máy Scan siêu tốc	1		88.000	35.200	1				
	Thiết bị ghi hình, ghi âm	1		81.484	48.890	1				
	Máy in Canon IR1643i	1		29.970	23.976	1				
4.3.14	VKSND khu vực 13	18		726.603	288.714	18				
	Tủ hồ sơ tay đẩy	1		53.400		1				
	Tủ hồ sơ tay đẩy	1		53.400		1				
	Máy tính xách tay HP	1		29.986		1				
	Máy bơm nước	1		37.424		1				
	Thiết bị pecc	1		17.723		1				
	Máy tính xách tay Fujistu	1	1	34.850	6.970	1				
	Máy tính sách tay FUITSU E5412	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay E1 Fujitsu (TQ)	1		34.850	6.970	1				
	Máy tính sách tay FUITSU E5412	1		34.430	13.772	1				
	Máy tính xách tay Fujitsu E5412 (Nhật)	1		34.430	13.772	1				



STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy tính xách tay Fujitsu E5412 (Nhật)	1		34.430	13.772	1				
	Tủ hồ sơ tay đẩy	1		54.400	34.000	1				
	Thiết bị ghi âm ghi hình	1		81.484	48.890	1				
	Thiết bị ghi âm, ghi hình hồi cung bị can	1		81.484	48.890	1				
	Máy quay phim Sony FDR-A X 43A PRO KIT-2025	1		40.932	32.746	1				
	Máy in đa năng Canon IR1643i II-2025	1		29.970	23.976	1				
	Máy tính sách tay AUS Vivobook 16 M1607KA	1		18.990	15.192	1				
	Máy tính sách tay AUS Vivobook S 14 S3407VA	1		19.990	15.992	1				
4.3.15	VKSND khu vực 14	11		386.646	140.126	11				
	Máy chụp hình samsung	1		10.000		1				
	Máy quay sonny	1		19.910		1				
	Tủ sắt có tay đẩy	1		53.400		1				
	Máy tính xách tay Dell	1		27.200		1				
	Máy chụp hình Canon	1		20.040		1				
	Máy tính xách tay Fujitsu (TQ)	1		34.850	6.970	1				
	Máy tích xách tay Fujitsu	1		34.430	13.772	1				
	Máy tích xách tay Fujitsu	1		34.430	13.772	1				
	Thiết bị ghi âm, ghi hình	1		81.484	48.890	1				
	Máy in đa năng Canon	1		29.970	23.976	1				
	Máy camera Sony	1		40.932	32.746	1				
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm	14		723.631	412.631	14				
5.3	VKSND khu vực 2	1		190.652	23.832	1				
	Cây xanh, thảm cỏ	1		190.652	23.832	1				
5.4	VKSND khu vực 3	5		142.969	110.801	5				
	Cây vú sữa	1		20.184	15.642	1				
	Cây mai tứ quý	1		21.866	16.946	1				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Cây mai tứ quý	1		21.866	16.946	1				
	Cây vú sữa	1		20.184	15.642	1				
	Cây mai vàng	1		58.870	45.624	1				
5.7	VKSND khu vực 6	7		177.731	145.324	7				
	Cây dâu	1		17.685	16.270	1				
	Cây bòn bon	1		17.685	16.270	1				
	Cây lộc vùng 1	1		35.369	32.540	1				
	Cây lộc vùng 2	1		35.369	26.527	1				
	Mai vàng dáng bonsai 3	1		23.874	17.906	1				
	Mai vàng dáng bonsai 2	1		23.874	17.906	1				
	Mai vàng dáng bonsai 1	1		23.874	17.906	1				
5.12	VKSND khu vực 11	1		212.279	132.674	1				
	Cây xanh	1		212.279	132.674	1				
7	Tài sản cố định hữu hình khác	19		441.913	96.176	19				
7.1	Văn phòng	2		77.300	0	2				
	Phù hiệu treo hội trường 2016	1		19.600		1				
	Phù hiệu treo trụ sở 2016	1		57.700		1				
7.3	VKSND khu vực 2	3		54.690	2.024	3				
	Phù hiệu trụ sở	1		27.800		1				
	Phù hiệu hội trường	1		10.700		1				
	Khẩu hiệu Hội trường	1		16.190	2.024	1				
7.4	VKSND khu vực 3	1		23.044	0	1				
	Vách ngăn gỗ	1		23.044		1				
7.9	VKSND khu vực 8	1		23.000	20.125	1				
	Cột cờ Tổ quốc	1		23.000	20.125	1				
7.11	VKSND khu vực 10	6		99.000	0	6				
	Bục phát biểu	1		11.000		1				
	Bục tượng Bác	1		11.000		1				
	Phù hiệu treo trụ sở	1		27.800		1				
	Phù hiệu trụ sở	1		27.800		1				
	Phù hiệu treo hội trường	1		10.700		1				
	Phù hiệu treo hội trường	1		10.700		1				
7.12	VKSND khu vực 11	6		164.879	74.027	6				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Rèm sáo cửa	1		50.616	12.654	1				
	Phòng màn họp trực tuyến	1		16.940	4.235	1				
	Phủ hiệu trụ sở	1		21.843	10.376	1				
	Khẩu hiệu phòng họp trực tuyến	1		10.315	4.900	1				
	Phòng màn họp trực tuyến	1		10.618	5.044	1				
	Rèm cửa sổ	1		54.547	36.819	1				
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	36		2.406.723	110.770	36				
8.1	Văn phòng	5		1.995.423	10.120	5				
	Nâng cấp phần mềm kế toán MISA Mimosa	1		10.500		1				
	Nâng cấp phần mềm kế toán MISA Mimosa.NET X1	1		20.000		1				
	Phần mềm Microsoft Windows Server 2022 (Standard + 1 User) - 2022	1		27.640		1				
	Phần mềm số thụ lý điện tử án hình sự-2022	1		1.917.043		1				
	Phần mềm ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh MVRS-0202 -2024	1		20.240	10.120	1				
8.2	VKSND khu vực 1	2		28.800	9.150	2				
	Phần Mềm Kế toán Misa	1		10.500		1				
	Phần mềm ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh - Hệ thống ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh cơ động	1		18.300	9.150	1				
8.3	VKSND khu vực 2	4		57.600	18.300	4				
	Phần mềm ứng dụng kế toán Misa	1		10.500		1				
	Phần mềm kế toán Misa Mimosa	1		10.500		1				
	Phần mềm ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh	1		18.300	9.150	1				
	Phần mềm ghi âm hoặc ghi hình	1		18.300	9.150	1				
8.4	VKSND khu vực 3	4		57.600	18.300	4				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Phần mềm kế toán MISA	1		10.500		1				
	Phần mềm Kế toán	1		10.500		1				
	Phần mềm ghi âm, ghi hình	1		18.300	9.150	1				
	Phần mềm ghi âm, ghi hình có âm thanh	1		18.300	9.150	1				
8.5	VKSND khu vực 4	4		57.600	18.300	4				
	Phần mềm kế toán	1		10.500		1				
	Phần mềm kế toán	1		10.500		1				
	Phần mềm ghi âm MVRs-0202	1		18.300	9.150	1				
	Phần mềm ghi âm MVRs-0202	1		18.300	9.150	1				
8.6	VKSND khu vực 5	2		28.800	9.150	2				
	Phần mềm kế toán	1		10.500		1				
	Phần mềm hệ thống ghi âm ghi hình có âm thanh	1		18.300	9.150	1				
8.7	VKSND khu vực 6	2		28.800	9.150	2				
	Phần mềm kế toán Misa	1		10.500		1				
	Phần mềm ghi âm, ghi hình có âm thanh	1		18.300	9.150	1				
8.8	VKSND khu vực 7	2		28.800	9.150	2				
	Phần mềm kế toán MISA	1		10.500		1				
	Phần mềm ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh MVRs-0202	1		18.300	9.150	1				
8.9	VKSND khu vực 8	2		28.800	9.150	2				
	Phần mềm kế toán chi tiết Misa Mimosa.net	1		10.500		1				
	Phần mềm ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh	1		18.300	9.150	1				
8.10	VKSND khu vực 9	2		21.000	0	2				
	Phần mềm kế toán Misa	1		10.500		1				
	Phần mềm kế toán Misa	1		10.500		1				
8.11	VKSND khu vực 10	1		10.500	0	1				
	Phần mềm Misa	1		10.500		1				
8.12	VKSND khu vực 11	2		21.000	0	2				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Phần mềm MISA Mimosa.Net	1		10.500		1				
	Phần mềm MISA Mimosa.Net	1		10.500		1				
8.13	VKSND khu vực 12	1		10.500	0	1				
	Phần mềm kế toán MISA	1		10.500		1				
8.14	VKSND khu vực 13	2		21.000	0	2				
	Phần mềm misa mimosa. net	1		10.500		1				
	Phần mềm misa mimosa. net	1		10.500		1				
8.15	VKSND khu vực 14	1		10.500	0	1				
	Phần mềm Misa	1		10.500		1				
	Tổng số	2.020		703.273.444	542.762.012					

NGƯỜI LẬP BIỂU

Thư

Trần Hoàng Thi

Dong Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2025



VIỆN TRƯỞNG

NGUYỄN QUỐC HÂN

Ghi chú:

- Mã đơn vị là Mã đơn vị đăng ký tài sản của các đơn vị có tài sản công phải kê khai vào Phần mềm Quản lý tài sản công.
- Cột 4: Với tài sản là nhà: Trường hợp không có thông tin về diện tích sàn sử dụng thì báo cáo theo diện tích sàn xây dựng.
- Cột 2: Với tài sản là xe ô tô: Ghi theo nhãn hiệu và biển kiểm soát (Ví dụ: Toyota Camry 10A-9999).
- Cột 7, 8, 9, 10: Hiện trạng sử dụng theo diện tích (m²) đối với tài sản là đất, nhà, đảm bảo diện tích cột (7) + (8) + (9) + (10) = (4); theo số lượng (cái, hệ thống) đối với tài sản còn lại.